**BÀI 7: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

Câu 1: Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quan trọng

A. trong việc hình thành và nâng cao lòng tự hào dân tộc.

B. trong việc hình thành và phát triển truyền thống yêu nước.

C. đối với sự sinh tồn và phát triển của quốc gia, dân tộc

D. khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.

Câu 2: Một trong những cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. kháng chiến chống quân Nam Hán thế kỉ X B. kháng chiến chống quân Triệu thế kỉ II TCN

C. kháng chiến chống quân Minh thế kỉ XV D. kháng chiến chống thực dân Pháp thế kỉ XIX

Câu 3: Trận quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán năm 938 diễn ra tại

A. sông Bạch Đằng. B. sông Như Nguyệt. C. bến Đông Bộ Đầu. D. cửa ải Hàm Tử

Câu 4: Trận quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thời Lý diễn ra tại

A. sông Bạch Đằng. B. sông Như Nguyệt. C. đồn Ngọc Hồi - Đống Đa. D. bến Đông Bộ Đầu.

Câu 5: Trận quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Thanh năm 1789 diễn ra tại

A. sông Bạch Đằng. B. sông Như Nguyệt. C. đồn Ngọc Hồi - Đống Đa. D. cửa ải Chi Lăng

Câu 6: Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược năm 938 là

A. Ngô Quyền. B. Trần Hưng Đạo. C. Lê Lợi. D. Quang Trung - Nguyễn Huệ.

Câu 7: Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm và Thanh cuối thế kỉ XVIII là

A. Ngô Quyền. B. Trần Hưng Đạo. C. Lê Lợi. D. Nguyễn Huệ - Quang Trung.

Câu 8: Cuộc khởi nghĩa nào sau đây của quân dân Việt Nam có đặc điểm độc đáo: sự khởi đầu và kết thúc cuộc khởi nghĩa là một hội thề lịch sử?

A. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan B. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

C. Khởi nghĩa Lam Sơn D. Khởi nghĩa Bà Triệu

Câu 9: Dòng sông nào sau đây ba lần ghi danh quân dân Việt Nam chiến thắng quân xâm lược?

A. Sông Đà B. Sông Bạch Đằng C. Sông Hồng D. Sông Mê – công

Câu 10: Một trong những cuộc kháng chiến không thành công của dân tộc Việt Nam trước cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. kháng chiến chống quân Thanh thế kỉ XVIII B. kháng chiến chống quân Tống thế kỉ XI

C. kháng chiến chống thực dân Pháp thế kỉ XIX D. kháng chiến chống quân Nam Hán thế kỉ X

Câu 11: Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược năm 981 là

A. Lý Thường Kiệt. B. Lê Hoàn. C. Ngô Quyền. D. Trần Quốc Tuấn.

Câu 12: Nội dung nào sau đây lý giải không đúng về nhận định: “Với vị trí địa chiến lược quan trọng, trong nhiều thế kỉ, Việt Nam là quốc gia thường xuyên trở thành đối tượng nhòm nhó, can thiệp và xâm lược của các thế lực bên ngoài”?

A. Nằm trên tuyến đường giao thông, giao thương lâu đời và quan trọng giữa các nước lớn

B. Là trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất của thế giới, nhiều nước lớn muốn giao thương

C. Là địa bàn tiền tiêu của Đông Nam Á từ phía bắc, cửa ngõ tiến vào bán đảo Trung Ấn

D. Liền kề Trung Quốc, án ngữ biển Đông, là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với hải đảo

Câu 13: Năm 1258, trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ xâm lược, quân dân nhà Trần đã giành thắng lợi vang dội tại

A. Đông Bộ Đầu. B. sông Bạch Đằng. C. Chi Lăng - Xương Giang. D. sông Như Nguyệt.

Câu 14: Năm 1285, trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược, quân dân nhà Trần đã tổ chức phản công và giành thắng lợi ở

A. cửa Hàm Tử B. sông Như Nguyệt. C. ải Chi Lăng. D. sông Bạch Đằng

Câu 15: “Tiền Ngô vương có thể lấy quân mới họp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đế, đổi niên hiệu nhưng chính thống của nước Việt ta, ngõ hầu đã nối lại được”

(Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập 1. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 204, 205)

Đoạn thông tin trên nhắc đến ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến nào sau đây?

A. Kháng chiến chống quân Thanh 1789 B. Kháng chiến chống quân Nguyên 1258

C. Kháng chiến chống quân Xiêm 1785 D. Kháng chiến chống quân Nam Hán 938

Câu 16: Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước cách mạng Tháng Tám 1945?

A. Mục đích kháng chiến của ta là chính nghĩa.

B. Kẻ thù gặp khó khăn trong quá trình xâm lược

C. Lực lượng quân sự của ta lớn mạnh hơn kẻ thù.

D. Ta nhận được ủng hộ, giúp đỡ to lớn từ bên ngoài.

Câu 17: Những câu thơ sau của thượng tướng Trần Quang Khải gợi đến cuộc kháng chiến nào sau đây?

Chương Dương cướp giáo giặc

Hàm Tử bắt quân thù

Thái bình nên gắng sức

Non nước ấy ngàn thu

(Hồi giá về kinh)

A. Kháng chiến chống quân Nguyên 1258 B. Kháng chiến chống quân Nguyên 1285

C. Kháng chiến chống quân Nguyên 1287 – 1288 D. Kháng chiến chống quân Tống 1075 – 1077

Câu 18: Trần Quốc Tuấn đã tổng kết nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên như sau: “vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước nhà góp sức, giặc phải bị bắt”. Nguyên nhân thắng lợi mà Trần Quốc Tuấn nhắc đến ở đây là

A. Lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết của dân tộc

B. Sự chỉ huy tài tình của các tướng lĩnh

C. Những khó khăn của kẻ thù trong quá trình xâm lược

D. Các cuộc kháng chiến của ta đều chính nghĩa

Câu 19: Năm 1637, Giang Văn Minh được vua Lê cử đi sứ sang triều Minh. Trong buổi triều kiến, vua Minh ra vế đối: Đồng trị chí kim đài dĩ lục (Cột đồng đến giờ rêu đã mọc xanh) nhắc đến sự tích cột đồng Mã Viện và thất bại của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Giang Văn Minh đã đối lại: Đằng Giang tự cổ huyết do hồng (Sông Bạch Đằng xưa máu vẫn còn loang đỏ) gợi lại việc ba lần đánh bại quân xâm lược phương Bắc trên sông Bạch Đằng của dân tộc ta.

Những cuộc kháng chiến nào của nhân dân ta đã ghi dấu chiến công lừng lẫy trên sông Bạch Đằng?

A. Kháng chiến chống quân Nam Hán (938), kháng chiến chống quân Tống (981), kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1287 - 1288)

B. Kháng chiến chống quân Nam Hán (938), kháng chiến chống quân Tống (981), kháng chiến chống quân Xiêm (1785)

C. Kháng chiến chống quân Nam Hán (938), kháng chiến chống quân Xiêm (1785), kháng chiến chống quân Thanh (1789)

D. Kháng chiến chống quân Nam Hán (938), kháng chiến chống quân Nguyên (1285), kháng chiến chống quân Thanh (1789)

Câu 20: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng năm 938?

A. Lật đổ ách đô hộ của nhà Đường, mở ra thời đại độc lập, tự chủ của dân tộc.

B. Đánh bại hoàn toàn tham vọng bành trướng của các triều đại phong kiến phương Bắc.

C. Đánh bại hoàn toàn tham vọng bành trướng và ý chí xâm lược của quân Nam Hán.

D. Mở đầu thời kì đấu tranh chống ách đô hộ của nhân dân ta thời Bắc thuộc.

Câu 21: “Người Xiêm từ sau cuộc bại trận năm Giáp Thìn (năm 1785), miệng tuy nói khoác mà lòng thì sợ Tây Sơn như sợ cọp”

(Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, trang 227, 228)

“ Cuộc bại trận năm Giáp Thìn” của quân Xiêm là

A. Chi Lăng – Xương Giang B. Ngọc Hồi – Đống Đa

C. Rạch Gầm – Xoài Mút D. Chương Dương, Hàm Tử

Câu 22: Cuộc kháng chiến nào sau đây của nhân dân ta chống lại kẻ thù xâm lược đến từ phương Tây?

A. kháng chiến chống quân Mông Cổ B. kháng chiến chống thực dân Pháp

C. kháng chiến chống quân Thanh D. kháng chiến chống quân Tống

Câu 23: Lãnh đạo cuộc kháng chiến của quân dân ta chống quân xâm lược Tống thế kỉ XI là

A. Lý Thường Kiệt. B. Trần Hưng Đạo. C. Lê lợi. D. Quang Trung.

Câu 24: Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của ta là cuộc chiến tranh chính nghĩa. Tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh được thể hiện chủ yếu thông qua

A. hình thức chiến tranh. B. lực lượng tham gia.

C. mục đích chiến tranh. D. thành phần lãnh đạo

Câu 25: Cuộc kháng chiến nào sau đây đã mở đầu truyền thống kết thúc chiến tranh một cách mềm dẻo để giữ vững hoà hiếu với nước ngoài của dân tộc ta?

A. Kháng chiến chống Nam Hán thế kỉ X B. Kháng chiến chống Tống thế kỉ XI.

C. Kháng chiến chống Mông – Nguyênthế kỉ XIII. D. Kháng chiến chống Xiêm thế kỉ XVIII

Câu 26: Một trong những nghệ thuật quân sự tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (1075 – 1077) là

A. vườn không nhà trống B. Chớp thời cơ

C. Đóng cọc trên sông, lợi dụng thủy triều D. Tiên phát chế nhân

Câu 27: Một trong những nghệ thuật quân sự tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống quân Thanh (1789) là

A. vườn không nhà trống B. Chớp thời cơ

C. Đóng cọc trên sông, lợi dụng thủy triều D. Tiên phát chế nhân

Câu 28: Một trong những nghệ thuật quân sự tiêu biểu của cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán (938) là

A. Tiên phát chế nhân. B. Hành quân thần tốc.

C. Vườn không nhà trống. D. Lợi dụng thủy triều.

Câu 29: Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược dưới thời Trần?

A. Vua tôi nhà Trần có chính sách tích cực đúng đắn, sáng tạo.

B. Nhân dân Đại Việt có tinh thần yêu nước và bền bỉ đấu tranh.

C. Quân giặc yếu, chủ quan, không có người lãnh đạo tài giỏi.

D. Tinh thần đoàn kết và ý chí quyết chiến của quân dân nhà Trần

Câu 30: Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng ý nghĩa của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

A. Hình thành và nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc

B. Tô đậm nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc

C. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc

D. Tác động lớn đến chính sách của bộ máy lãnh đạo

Câu 31: Việt Nam nằm trên trục đường giao thông quan trọng, nối liền

A. châu Á và châu Mĩ B. Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương

C. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương D. châu Mĩ và châu Đại Dương

Câu 32: Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí địa chiến lược nào sau đây?

**A.** Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.

**B.** Nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Phi.

**C.** Là quốc gia có diện tích và dân số lớn nhất Đông Nam Á.

**D.** Lãnh thổ gồm cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

Câu 33: Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?

**A.** Đánh nhanh, thắng nhanh. **B.** Chủ động tiến công.

**C.** Vây thành, diệt viện. **D.** Vườn không nhà trống.

Câu 34: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược thế kỉ XVIII gắn liền với sự lãnh đạo của vương triều nào?

**A.** Nhà Tiền Lê. **B.** Nhà Lý. **C.** Nhà Tây Sơn. **D.** Nhà Hồ.

Câu 35: Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có vai trò nào sau đây?

**A.** Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt.

**B.** Củng cố vị thế cường quốc kinh tế của Việt Nam.

**C.** Khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự.

**D.** Góp phầnbảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Câu 36: Nội dung nào sau đây là nguyên nhân khách quan dẫn đến một số cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước năm 1945 bị thất bại?

**A.** Giai cấp lãnh đạo không xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

**B.** Tương quan lực lượng không có lợi cho nhân dân Việt Nam.

**C.** Các phong trào đấu tranh diễn ra khi không có giai cấp lãnh đạo.

**D.** Sai lầm trong cách tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Câu 37: Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán (938) của Ngô Quyền có điểm khác biệt nào so với các cuộc đấu tranh khác của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc?

**A.** Lần đầu tiên khôi phục được độc lập dân tộc.

**B.** Lần đầu tiên thành lập chính quyền mới, tự trị.

**C.** Buộc chính quyền phương Bắc công nhận độc lập.

**D.** Mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.

Câu 38: Nguyên nhân chủ quan dẫn đến thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh dưới triều Hồ và kháng chiến chống Pháp dưới triều Nguyễn là

**A.** triều đình không huy động được sức mạnh toàn dân.

**B.** kháng chiến không có sự lãnh đạo của triều đình.

**C.** triều đình lơ là, mất cảnh giác, không có sự phòng bị

**D.** tương quan lực lượng chênh lệch không có lợi cho ta

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai**

Câu 39: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa của Việt Nam trong lịch sử dù thành công hoặc không thành công đều gắn với những nguyên nhân chủ quan và khách quan, để lại nhiều bài học kinh nghiệm. Truyền thống yêu nước, đoàn kết, vai trò lãnh đạo, công tác chuẩn bị và sử dụng nghệ thuật quân sự đúng đắn, sáng tạo là những nguyên nhân chủ quan, đóng vai trò quyết định. Bên cạnh đó, các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa thành công hoặc không thành công cũng có nguyên nhân khách quan, nhưng không phải là quyết định

a. Nguyên nhân khách quan đóng vai trò quyết định trong việc thành công hay thất bại của một cuộc kháng chiến hay khởi nghĩa

b. Trong những nguyên nhân chủ quan dẫn tới thành công của các cuộc khởi nghĩa, sự lãnh đạo và công tác chuẩn bị đóng vai trò quyết định

c. Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, kẻ thù xâm lược Việt Nam đến từ nhiều phương hướng khác nhau, nhưng chủ yếu là từ phương Bắc

d. Bài học kinh nghiệm sâu sắc từ thất bại của nước Âu Lạc trong cuộc kháng chiến chống quân Triệu là không được chủ quan coi thường đối phương; cần có sự phòng bị để phòng chống từ sớm, từ xa

**a. S b. Đ c. Đ d. Đ**

Câu 40: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong kháng chiến chống ngoại xâm, nhất là đối với một kẻ thù hung bạo và có tiềm lực mạnh, tổ tiên chúng ta còn phải chú ý đặc biệt đến việc củng cố nội bộ lãnh thổ. Phải xây dựng đường sá, cầu cống, vét sông, khơi nguồn thường xuyên để có thể nhanh chóng chuyển quân rút lui chiến lược hay tổng phản công nhanh chóng,…”

(Trương Hữu Quýnh, “*Tác dụng của kháng chiến chống ngoại xâm đối với sự hình thành của dân tộc Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5, 1981, tr.23)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong việc hình thành nên truyền thống dân tộc

b. kháng chiến chống ngoại xâm có tác động lớn đến chính sách quản lý đất nước của các vương triều trong lịch sử

c. Việc xây dựng đường sá, cầu cống, vét sông, khơi nguồn của tổ tiên ta chỉ nhằm mục đích phục vụ cho kháng chiến

d. Củng cố nội bộ lãnh thổ là chính sách quan trọng của cha ông ta khi luôn phải đối phó với kẻ thù xâm lược hùng mạnh

**a. S b. Đ c. S d. Đ**

Câu 41: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Lịch sử chống ngoại xâm vừa thử thách, vừa tôi luyện dân tộc ta. Những cuộc chiến tranh yêu nước đã tạo nên cho dân tộc ta một bản lĩnh kiên cường, một sức sống bền bỉ, mãnh liệt, đã hun đúc nên nhiều truyền thống tốt đẹp, tiêu biểu là: lòng yêu nước tha thiết, ý chí độc lập tự chủ mạnh mẽ, tinh thần đoàn kết keo sơn, chí quật cường bất khuất, trí thông minh sáng tạo,…”

(Theo Phan Huy Lê,…, *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, NXB Hồng Đức, 2019, tr.15)

a. Đoạn trích cho thấy vai trò quan trọng của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đối với sự sinh tồn của quốc gia, dân tộc

b. Các truyền thống tốt đẹp, tiêu biểu của dân tộc Việt Nam chỉ có thể được hình thành qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm

c. Tinh thần đoàn kết là truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam được hun đúc nên từ lịch sử chống ngoại xâm

d. Đoạn trích phản ánh các nội dung khác nhau của khái niệm “truyền thống dân tộc”

Câu 42: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Khi nước triều lên, Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua chạy để dụ địch đuổi theo. Hoằng Tháo quả nhiên tiến quân vào. Khi binh thuyền đã vào trong vùng cắm cọc, nước triều rút, cọc nhô lên Quyền bèn tiến quân ra đánh, ai nấy đều liều chết chiến đấu. Quân Hoằng Tháo không kịp sửa thuyền mà nước triều rút rất gấp, thuyền đều mắc vào cọc mà lật úp, rối loạn tan vỡ”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triệu Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.203)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về diễn biến của cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán do Ngô Quyền lãnh đạo

b. Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc chỉ được tái hiện qua tác phẩm Đại Việt sử kí toàn thư

c. Hoằng Tháo đã phối hợp chặt chẽ với Ngô Quyền về thủy binh trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược bên ngoài

d. Kế sách cắm cọc dưới lòng sông, lợi dụng thủy triều được nhắc đến trong đoạn trích là kế sách đánh giặc độc đáo, chưa từng có ở giai đoạn trước và sau đó trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc

a. Đ b. S c. S d. S

Câu 43: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1075, trước những hành động chuẩn bị xâm lược Đại Việt của nhà Tống, nhà Lý thực hiện kế sách “tiên phát chế nhân”, bất ngờ tấn công vào vùng tập kết của quân địch ở Quảng Đông và Quảng Tây (Trung Quốc), sau đó nhanh chóng rút quân về nước, chuẩn bị kháng chiến. Năm 1076, quân Tống tiến vào Đại Việt nhưng bị chặn lại ở phòng tuyến sông Như Nguyệt (Bắc Ninh ngày nay). Năm 1077, Lý Thường Kiệt bất ngờ cho quân vượt sông, tấn công vào doanh trại địch. Quân Tống thiệt hại nặng.

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về diễn biến, kết quả, ý nghĩa cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống của vương triều Lý

b. Cuộc kháng chiến được nhắc đến trong đoạn trích diễn ra vào cuối thế kỉ X, do Lý Thường Kiệt lãnh đạo

c. Một trong những mục đích của kế sách “tiên phát chế nhân” là nhằm kéo dài thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến của ta

d. Trận quyết chiến chiến lược của cuộc kháng chiến diễn ra tại sông Như Nguyệt, phí bắc kinh thành Thăng Long

**a. S b. S c. Đ d. Đ**

Câu 44: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Triều Hồ quá chú trọng vào việc xây dựng các phòng tuyến quân sự và lực lượng quân đội chính quy. Trong chiến đấu (chống quân Minh xâm lược), chủ yếu phòng ngự, cố thủ trong các thành Đa Bang, Đông Đô (Hà Nội), Tây Đô (Thanh Hóa).

Triều Nguyễn không có đường lối kháng chiến đúng đắn lại thiên về chủ hòa. Các phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta tuy diễn ra quyết liệt nhưng thiếu sự lãnh đạo thống nhất của triều đình

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về quá trình kháng chiến chống quân Minh của triều Hồ và kháng chiến chống thực dân Pháp của triều Nguyễn

b. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại trong kháng chiến chống Pháp của triều Nguyễn là do triều đình không lãnh đạo nhân dân kháng chiến ngay từ đầu

c. Triều Hồ chú trọng xây dựng các phòng tuyến quân sự kiên cố nhưng lại không kiên quyết chống quân Minh nên đã nhanh chóng thất bại

d. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIX, có hai triều đại phong kiến Việt Nam đã thất bại trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, để nước ta rơi vào ách thống trị của ngoại bang

**a. S b. S c. S d. Đ**

Câu 45: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Cuối năm 1287, 30 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy tiến vào nước ta. Buổi đầu, trước sức mạnh của quân Nguyên, quân dân nhà Trần dưới sự lãnh đạo của các vua Trần mà trực tiếp là Trần Quốc Tuấn đã thực hiện cách đánh “dĩ đoản binh, chế trường trận”. Cách đánh này khiến cho quân địch rơi vào tình thế: tiến công không được, lui cũng không xong. Quân Mông – Nguyên buộc lòng phải rút lui. Biết được con đường rút lui của địch, Trần Quốc Tuấn quyết định chọn sông Bạch Đằng làm trận địa quyết chiến tiêu diệt đạo quân địch rút lui theo đường thủy

a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược lần thứ hai của vương triều Trần

b. Trần Quốc Tuấn là vị tướng chỉ huy tối cao và duy nhất trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược năm 1287

c. Quân Mông – Nguyên đã bị quân dân ta phục kích đánh trên sông Bạch Đằng khi chúng tìm cách rút lui về nước

d. “dĩ đoản binh, chế trường trận” được nhắc đến trong đoạn tư liệu trên chính là kế sách “vườn không nhà trống”

**a. S b. S c. Đ d. S**

**BÀI 8: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)**

**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

Câu 46: Cuộc khởi nghĩa đầu tiên của nhân dân Âu Lạc chống lại ách đô hộ của phong kiến phương Bắc là

A. khởi nghĩa Bà Triệu. B. khởi nghĩa Lý Bí.

C. khởi nghĩa Hai Bà Trưng. D. khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 47: Khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (40 – 43) đã đánh bại quân xâm lược nào sau đây?

A. Nhà Hán. B. Nhà Tùy. C. Nhà Ngô. D. Nhà Lương.

Câu 48: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) bùng nổ trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Nhà Đông Hán đặt ách cai trị nặng nề lên đất nước ta

B. Một số vùng lãnh thổ của nước ta đã được giải phóng

C. Chính quyền nhà Đông Hán có những dấu hiệu suy yếu

D. Nhiều cuộc khởi nghĩa diễn ra trước đó đã bị thất bại

Câu 49: Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) thắng lợi đã

**A.** chấm dứt vĩnh viễn ách đô hộ ngàn năm Bắc thuộc**.**

**B.** chấm dứt mọi cuộc chiến tranh xâm lược từ Trung Quốc.

**C.** mở đầu thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộ**c.**

**D.** đập tan âm mưu thủ tiêu nền văn hóa Đại Việt.

Câu 50: Lãnh đạo phong trào nông dân Tây Sơn cuối thế kỉ XVIII là

A. Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh. B. Nguyễn Lữ, Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ.

C. Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ. D. Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh.

Câu 51: Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào sau đây đã đưa đến sự thành lập vương triều Lê sơ?

A. Khởi nghĩa Lý Bí. B. Khởi nghĩa Lam Sơn.

C. Khởi nghĩa Phùng Hưng. D. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

Câu 52: Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là

A. Nguyễn Trãi. B. Lê Lợi. C. Lê Lai. D. Đinh Liệt.

Câu 53: Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (năm 248) đã chống lại ách đô hộ của triều đại phong kiến phương Bắc nào sau đây?

A. Nhà Hán. B. Nhà Ngô. C. Nhà Đường. D. Nhà Minh.

Câu 54: Năm 544, khởi nghĩa của Lí Bí thắng lợi đã thành lập ra nhà nước

A. Vạn Xuân. B. Đại Ngu. C. Đại Việt. D. Đại Cồ Việt.

Câu 55: Năm 1407, sau khi cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại, nước ta rơi vào ách thống trị của triều đại phong kiến Trung Quốc nào sau đây?

A. Nhà Hán. B. Nhà Đường. C. Nhà Minh. D. Nhà Tống.

Câu 56: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) nổ ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Nhà Hồ tiến hành cải cách đất nước thành công. B. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu trầm trọng.

C. Nhà Minh thi hành chính sách cai trị hà khác. D. Nhà Minh lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

Câu 57: Sau khi đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn, một nhiệm vụ đặt ra cho phong trào Tây Sơn là

A. tiến quân ra Bắc, phối hợp với vua Lê đánh đổ chúa Trịnh.

B. tiến quân ra Bắc tiêu diệt 29 vạn quân Thanh xâm lược

C. tiến ra Bắc đánh đổ chính quyền Lê - Trịnh, thống nhất đất nước.

D. tiến ra bắc phối hợp với chúa Trịnh lật đổ vua Lê.

Câu 58: Một trong những điểm độc đáo của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 - 43) là

A. khởi nghĩa khi chính quyền Đông Hán suy yếu. B. thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

C. lực lượng thủy binh giữ vai trò tiên phong. D. nhiều nữ tướng tham gia chỉ huy khởi nghĩa.

Câu 59: Một trong những đặc điểm của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng (cuối thế kỉ VIII) là gì?

A. Do triều đình phong kiến lãnh đạo. B. Chống lại ách cai trị của nhà Đường.

C. Nhằm mục đích bảo vệ độc lập dân tộc. D. Giành được thắng lợi trọn vẹn và lâu dài

Câu 60: Một trong những điểm khác biệt của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) so với cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược (1075 – 1077) là

A. sử dụng kế sách “tiên phát chế nhân”. B. diễn ra khi đất nước bị mất độc lập.

C. được đông đảo nhân dân tham gia. D. sử dụng kế sách “vườn không nhà trống”

Câu 61: Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa của phong trào Tây Sơn (1771 - 1789)?

A. Từ một cuộc khởi nghĩa địa phương đã phát triển thành phong trào dân tộc rộng lớn.

B. Lật đổ chính quyền phong kiến Nguyễn - Trịnh, xoá bỏ tình trạng chia cắt đất nước.

C. Đập tan các thế lực ngoại xâm hùng mạnh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

D. Đập tan âm mưu thủ tiêu nền văn hoá Đại Việt, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

Câu 62: Một trong những đóng góp to lớn của phong trào Tây Sơn (1771-1802) đối với lịch sử dân tộc Việt Nam là

**A.** lật đổ ách đô hộ tàn bạo của nhà Minh ở Việt Nam.

**B.** thống nhất hoàn toàn đất nước về mặt nhà nước.

**C.** đánh tan quân xâm lược, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

**D.** ngăn chặn được nguy cơ Pháp xâm lược Việt Nam.

Câu 63: Một trong những điểm giống nhau giữa khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40 và khởi nghĩa Lý Bí năm 542 là

A. diễn ra qua hai giai đoạn khởi nghĩa và kháng chiến.

B. đều chống lại ách đô hộ của nhà Hán.

C. đều chống lại ách đô hộ của nhà Đường.

D. đều mở ra bước ngoặt mới trong lịch sử dân tộc.

Câu 64.

“Một xin rửa sạch nước thù

Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng

Ba kẻo oan ức lòng chồng

Bốn xin vẻn vẹn sở công lênh này”

Những câu thơ trên là lời thề mở đầu cho cuộc khởi nghĩa nào sau đây?

A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng B. Khởi nghĩa Lý Bí

C. Khởi nghĩa Bà Triệu D. Khởi nghĩa Phùng Hưng

Câu 64: Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (năm 248) đã

A. mở đầu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta thời Bắc thuộc

B. tiếp tục khẳng định sức mạnh và ý chí của phụ nữ Việt Nam

C. Mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc

D. Tạo cơ sở cho sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc đấu tranh giành độc lập về sau

Câu 65: Sau khi đánh bại quân Thanh xâm lược (1789), chính quyền của vua Quang Trung đã

A. đặt kinh đô ở Nghệ An, kiểm soát toàn bộ Đàng Trong và Đàng Ngoài cũ.

B. đánh bại tập đoàn vua Lê – chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, thống nhất đất nước

C. đóng đô ở Phú Xuân, kiểm soát phía bắc Đàng Trong và toàn bộ Đàng Ngoài cũ.

D. xây dựng kinh thành ở Huế, kiểm soát toàn bộ Đàng Trong và Đàng Ngoài.

Câu 66: Chọn các từ cho sẵn sau đây đặt vào vị trí đánh số trong đoạn thông tin để thể hiện nội dung cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng:

A. Mã Viện, B. Tô Định, C. Đông Hán, D. Hát Môn, E. Thái thú, G. Giao Chỉ.

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ năm 40, trong bối cảnh nhà ... (1) đang đặt ách thống trị nặng nề lên vùng ... (2), đặc biệt là thời kì ... (3) làm ... (4). Một thời gian sau đó, nhà Hán cử ... (5) đưa quân sang đàn áp. Sau một thời gian kháng cự, Hai Bà Trưng lui quân về ... (6) và hi sinh.

1. Đông Hán 2. Giao Chỉ 3. Tô Định 4. Thái thú 5. Mã Viện 6. Hát Môn

Câu 67: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng đặc điểm nổi bật của các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta thời kì Bắc thuộc?

A. Liên tiếp nổ ra ở ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam.

B. Được đông đảo nhân dân tham gia, hưởng ứng.

C. Nhiều cuộc khởi nghĩa lập được chính quyền trong một thời gian.

D. Mở ra thời kì độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc.

Câu 68: Nội dung nào sau đây phản ánh đặc điểm nổi bật của khởi nghĩa Lam Sơn giai đoạn 1418 – 1423?

A. Liên tục bị quân Minh vây hãm và phải rút lui ba lần lên núi Chí Linh.

B. Chuyển hướng vào Nghệ An, mở rộng địa bàn hoạt động vào phía nam.

C. Đánh bại các cuộc vây quét của quân Minh, làm chủ vùng đất Thanh Hoá, Nghệ An

D. Tổ chức các trận quyết chiến chiến lược và giành thắng lợi nhanh chóng

Câu 69: Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta thời kì Bắc thuộc đều diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

**A.** Chính quyền phương Bắc suy yếu. **B.** Đất nước bị mất độc lập, tự chủ.

**B.** Lực lượng vũ trang của ta lớn mạnh. **D.** Nhân dân Việt Nam đã bị đồng hóa.

Câu 70: Thắng lợi quân sự nào sau đây của khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) đã buộc quân Minh phải chấp nhận thất bại, rút quân về nước?

A. Ngọc Hồi – Đống Đa. B. Tốt Động - Chúc Động.

C. Rạch Gầm – Xoài Mút. D. Chi Lăng - Xương Giang.

Câu 71: Nội dung nào sau đây không phải là bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)?

A. Xây dựng lực lượng chống giặc ngoại xâm. B. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

C. Nghệ thuật quân sự đánh giặc giữ nước. D. Nâng cao sức năng lực lãnh đạo của Đảng.

Câu 72: Một trong những đặc điểm nổi bật của khởi nghĩa Lam Sơn là

A. kết hợp giữa hoạt động quân sự, chính trị, ngoại giao chống lại kẻ thù

B. từ khởi nghĩa nông dân phát triển thành chiến tranh giải phóng dân tộc

C. kết hợp giải phóng dân tộc với xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước

D. bùng nổ trong bối cảnh ta đã xây dựng được lực lượng lớn mạnh

Câu 73: Chọn các từ cho sẵn sau đây điền vào chỗ trống:

A. Nhân dân B. Nhà Minh C. Chiến tranh giải phóng dân tộc D. Độc lập dân tộc

Khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành một cuộc ...(1), có tính chất ...(2) rộng rãi. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi đã chấm dứt thời kì đô hộ của ...(3), khôi phục nền ...(4), đập tan âm mưu thủ tiêu nền văn hoá Đại Việt, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

(1) chiến tranh giải phóng dân tộc (2) nhân dân  (3) nhà Minh (4) độc lập dân tộc

Câu 74: Chọn các từ cho sẵn sau đây điền vào chỗ trống:

A. chủ quyền lãnh thổ B. cuộc khởi nghĩa địa phương C. chia cắt đất nước D. độc lập dân tộc E. Nguyễn – Trịnh F. phong trào dân tộc

Phong trào Tây Sơn từ một ..(1) đã phát triển thành ...(2) rộng lớn, lập nên những chiến công hiển hách. Phong trào đã lật đổ các chính quyền phong kiến ...(3)..., xoá bỏ tình trạng ...(4) Đồng thời, phong trào còn đánh tan các thế lực ngoại xâm hùng mạnh, bảo vệ vững chắc nền ...(5) và ...(6) của Tổ quốc.

(1) cuộc khởi nghĩa địa phương  (2) phong trào dân tộc

(3) Nguyễn - Trịnh (4) chia cắt đất nước

(5) độc lập dân tộc  (6) chủ quyền lãnh thổ

Câu 75: Nguyên nhân sâu xa bùng nổ các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc là

**A.** nhân dân Việt Nam đã thiết lập được chính quyền vững mạnh.

**B.** chính quyền đô hộ của phương Bắc khủng hoảng, tổ chức lỏng lẻo.

**C.** do ách cai trị, bóc lột nặng nề của chính quyền đô hộ phương Bắc.

**D.** do mâu thuẫn của các thủ lĩnh người Việt với chính quyền đô hộ.

Câu 76: Nghệ thuật quân sự nào dưới đây trong kháng chiến chống quân xâm lược Tống thời Lý được kế thừa và phát huy trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

A. Kế sách “tiên phát chế nhân”.                   B. Kế sách “thanh dã”

C. Chủ động kết thúc chiến tranh.                  D. Đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 77: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn?

A. Đập tan quân xâm lược Xiêm và Thanh, bảo vệ độc lập dân tộc

B. Kết thúc 20 năm nhà Minh đô hộ, mở ra thời kì mới của đất nước.

C. Xóa bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt cơ sở thống nhất quốc gia

D. Đưa Đại Việt trở thành cường quốc hàng đầu khu vực Đông Nam Á

Câu 78: Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) thắng lợi đã

**A.** chấm dứt vĩnh viễn ách đô hộ ngàn năm Bắc thuộc.

**B.** chấm dứt mọi cuộc chiến tranh xâm lược từ Trung Quốc.

**C.** mở đầu thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.

**D.** đập tan âm mưu thủ tiêu văn hóa Đại Việt của Trung Quốc

Câu 79: Một trong những đặc điểm nổi bật về nghệ thuật quân sự của các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX là

A. lấy ít địch nhiều B. lấy lực thắng thế

C. tiên phát chế nhân D. vườn không nhà trống

Câu 80: Cuộc đấu tranh chống ngoại xâm nào sau đây của nhân dân ta diễn ra trong thời kỳ Bắc thuộc?

**A.** Khởi nghĩa Lam Sơn **B.** Khởi nghĩa Phùng Hưng.

**C.** Kháng chiến chống quân Xiêm **D.** Kháng chiến chống quân Thanh

Câu 81: Phong trào Tây Sơn bùng nổ nhằm thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

**A.** Giải quyết mâu thuẫn giai cấp **B.** Giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ.

**C.** Chống âm mưu đồng hòa của phương Bắc **D.** Ngăn chặn sự xâm lược của phương Tây

Câu 82: Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) kết thúc thắng lợi được đánh dấu bằng sự kiện nào sau đây?

**A.** Hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hóa). **B.** Hội thề Đông Quan (Hà Nội).

**C.** Chiến thắng Tốt Động-Chúc Động. **D.** Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.

Câu 83: Năm 1426, nghĩa quân Lam Sơn đánh tan trên 5 vạn quân Minh trong trận

A. Tốt Đông – Chúc Động B. Chi Lăng – Xương Giang

C. Ngọc Hồi – Đống Đa D. Rạch Gầm – Xoài Mút

Câu 84: Từ một cuộc khởi nghĩa địa phương đã phát triển thành phong trào dân tộc rộng lớn là một trong những đặc điểm nổi bật của

A. phong trào Tây Sơn B. khởi nghĩa Lam Sơn

C. kháng chiến chống Nam Hán D. khởi nghĩa Hai Bà Trưng

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai**

Câu 85: Đọc các đoạn tư liệu sau:

**Tư liệu 1:** Sử gia Lê Văn Hưu nói*:* “Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương”

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 156, 157)

**Tư liệu 2:** Bà quê ở huyện Quân An, quận Cửu Chân (Thanh Hoá ngày nay). Căm thù chính sách đồng hoá, áp bức và bóc lột tàn bạo của nhà Ngô, Bà đã nêu ý chí: *“*Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng giữ, chém cá tràng kình ở bể đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng để làm tì thiếp người ta”.

(Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010, tr. 51)

a. Đoạn tư liệu 2 nhắc đến nhân vật Trưng Trắc

b. Triệu Thị Trinh lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống triều đại nhà Ngô (Trung Quốc)

c. Các cuộc khởi nghĩa được nhắc đến trong 2 đoạn tư liệu trên đều chống lại ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, trong thời kì nghìn năm Bắc thuộc

d. Quy mô cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng rất rộng lớn, gồmcác quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại

**a. S b. Đ c. Đ d. Đ**

Câu 86: Đọc các đoạn tư liệu sau:

**Tư liệu 1:** “Nam đế nhà (Tiền) Lý dẫu sức không địch nổi giặc Lương đến nỗi công cuộc không thành, nhưng đã biết nhân thời cơ vùng dậy, tự làm chủ lấy nước mình, đủ làm thanh thế mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này...”.

(Quốc Sử quán Triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, trang 164, 165)

**Tư liệu 2:** “Vị thế của người anh hùng Phùng Hưng không chỉ ở chỗ là người khởi xướng và lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa chống chế độ đô hộ nhà Đường, mà còn ở chỗ là người mở đầu cho xu thế Việt trong lãnh đạo đất nước, là một vị “vua cha mẹ”.

  (Trương Hữu Quýnh, *Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng Khu di tích lịch sử - văn hoá Đường Lâm*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005, trang 24)

a. Đoạn tư liệu 1 nhắc đến nhân vật Lý Bí

b. Phùng Hưng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại chế độ đô hộ của nhà Lương

c. Các cuộc khởi nghĩa được nhắc đến trong 2 đoạn tư liệu trên đều giành được thắng lợi, lập được chính quyền tự chủ trong một khoảng thời gian

d. Cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng thắng lợi đã mở đường cho sự thành lập của nhà Đinh, nhà Lý ở Đại Việt sau này

**a. Đ b. S c. Đ d. S**

Câu 87: Đọc đoạn trích sau đây trong bài thơ “Bình Ngô đại cáo” (Nguyễn Trãi):

“Ninh Kiều máu chảy thành sông, hôi tanh muôn dặm

Tốt Động thây phơi đầy nội, thối để nghìn thu

Tâm phúc giặc, Trần Hiệp phải bêu đầu

Sâu mọt dân, Lý Lượng cũng bỏ mạng

Vương Thông gỡ rối mà lửa lại càng bừng

Mã Anh cứu nguy mà giận càng thêm dữ”

a. Đoạn thơ trên phản ánh về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống của vương triều Lý

b. Chiến thắng quân sự nổi bật được nhắc đến trong đoạn thơ trên là chiến thắng Tốt Động – Chúc Động

c. Vương Thông, Mã Anh là những vị tướng chỉ huy tài giỏi của quân ta trong khởi nghĩa Lam Sơn

d. Bình Ngô đại cáo được coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước ta sau “Nam quốc sơn hà”

**a. S b. Đ c. S d. Đ**

Câu 88: Đọc đoạn tư liệu sau:

“ Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc nông dân khởi nghĩa duy nhất trong thời phong kiến Việt Nam đã đánh bại kẻ thù trong và ngoài nước (…). Phong trào đã lật đổ nền thống trị của các tập đoàn phong kiến phản động, kết thúc tình trạng phân chia đất nước kéo dài trên hai thế kỉ, đánh tan quân xâm lược Xiêm và Thanh, đặt cơ sở cho công cuộc khôi phục quốc gia thống nhất sau này”.

(Phan Huy Lê, *Tìm hiểu thêm về phong trào nông dân Tây Sơn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 961, tr.37)

a. Đoạn trích phản ánh đóng góp của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc thế kỉ XVIII

b. Khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc khởi nghĩa nông dân duy nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam

c. Một trong những công lao to lớn của phong trào Tây Sơn là lật đổ các tập đoàn phong kiến phản động, thống nhất hoàn toàn quốc gia

d. Khởi nghĩa Tây Sơn đã đánh tan quân xâm lược đến từ phương Tây, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc  
**a. Đ b. S c. S d. S**

Câu 89: Đọc đoạn trích sau đây trong bài thơ “Bình Ngô đại cáo” (Nguyễn Trãi):

“ Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới

Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào

Thế trận xuất kì, lấy yếu chống mạnh

Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trọn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân để thay cường bạo.

…

Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công”

a. Đoạn thơ trên là sự tổng kết về những nghệ thuật quân sự tài tình trong khởi nghĩa Lam Sơn

b. Một trong những nghệ thuật quân sự được nhắc đến trong đoạn thơ trên là nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân

c. “Mưu phạt tâm công” được nhắc đến trong đoạn thơ trên chính là một biểu hiện của nghệ thuật chiến tranh nhân dân

d. “lấy yếu chống mạnh”, “lấy ít địch nhiều” được nhắc đến trong đoạn thơ trên không phải là một nghệ thuật quân sự đánh giặc

**a. Đ b. Đ c. S d. S**

Câu 90: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Vào sáng ngày mồng 5 Tết, tiếng súng nổ liên hồi ở mạn tây nam làm Tôn Sĩ Nghị tỉnh giấc. Đồn Ngọc Hồi đã bị tấn công. Đang lo lắng hướng về phía đó đợi tin, Tôn Sĩ Nghị bỗng thấy lửa rực cháy ở phía Đống Đa và tiếng quân ta hò reo ngày càng gần. Y hốt hoảng, không còn biết xử trí sao nữa, đành nhảy lên “ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp” cùng một số tùy tùng chạy qua cầu phao, vượt sông Hồng lên mạn bắc. Quân sĩ thấy tướng đã chạy, bèn hùa nhau chạy theo chen chúc vượt qua cầu”

(Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr. 42 – 423)

a. Đoạn trích phản ánh thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh

b. Thắng lợi quân sự được nhắc đến trong đoạn trích diễn ra ở Ngọc Hồi, Đống Đa

c. Tôn Sĩ Nghị là vị tướng chỉ huy của quân ta trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh

d. Đoạn trích chủ yếu nhằm phản ánh tinh thần đoàn kết của quân ta trong các trận quyến chiến chiến lược với kẻ thù

**a. S b. Đ c. S d. S**

Câu 91: Đọc đoạn tư liệu sau:

Đại cáo bình Ngô là bài cáo được viết bằng chữ Hán, do Nguyễn Trãi soạn thảo năm 1428, thay lời Lê Lợi để tuyên cáo về việc đã giành thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, khẳng định nền độc lập của quốc gia Đại Việt. Văn bản này vừa có giá trị đặc biệt đối với văn học, vừa giúp các nhà sử học tìm hiểu và trình bày lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn một cách sống động, chi tiết về thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện

a. Đại cáo bình Ngô là bài cáo được viết bằng chữ Hán vào thế kỉ XVI

b. Đại cáo bình Ngô là tài liệu có giá trị lớn về lịch sử, văn học và tư tưởng

c. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chỉ có thể được khôi phục qua Đại cáo bình Ngô

d. Đại cáo bình Ngô là đối tượng nghiên cứu của một số ngành khoa học

**a. S b. Đ c. S d. Đ**

Câu 92: Cho bảng dữ kiện về diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn như sau

| **Giai đoạn** | **Diễn biến chính** |
| --- | --- |
| **1418 - 1423** | Năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hóa). Quân Minh liên tục tổ chức tấn công, bao vây căn cứ Lam Sơn. Nghĩa quân ba lần phải rút lên núi Chí Linh, chịu nhiều tổn thất |
| **1424 - 1426** | Năm 1424, nghĩa quân chuyển vào Nghệ An, dựa vào đó quay ra đánh lấy Đông Đô. Nghĩa quân nhanh chóng giải phóng Nghệ An, Thanh Hóa rồi tấn công ra Bắc |
| **1426 - 1427** | Năm 1426, nghĩa quân đánh tan trên 5 vạn quân Minh trong trận Tốt Động – Chúc Động. Năm 1427, nghĩa quân đánh tan 15 vạn viện binh trong trận Chi Lăng – Xương Giang. Vương Thông ở thành Đông Quan chấp nhận nghị hòa, rút quân về nước |

a. Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo bùng nổ vào cuối thế kỉ XV

b. Núi Chí Linh là nơi Lê Lợi chọn làm căn cứ lâu dài cho cuộc khởi nghĩa.

c. Tại trận Chi Lăng - Xương Giang, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh tan đội quân cứu viện của nhà Minh.

d. Từ khi chuyển quân vào Nghệ An năm 1424, nghĩa quân đã mở rộng được nhiều vùng giải phóng

**a. S b. S c. Đ d. Đ**

**BÀI 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ**

# Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 93: Nhằm tăng cường sức mạnh quân sự để đối phó với cuộc xâm lược của nhà Minh cuối thế kỉ XIV, Hồ Quý Ly đã tiến hành

**A.** cải cách văn hoá, xã hội, giáo dục. **B.** xây dựng toà thành Tây Đô kiên cố.

**C.** buộc vua Trần nhường ngôi cho mình. **D.** ban hành chính sách hạn điền, hạn nô.

Câu 94: Nửa sau thế kỉ XIV, cuộc khởi nghĩa nông dân nào sau đây đã diễn chống lại nhà Trần?

**A.** Khởi nghĩa Ngô Bệ (Hải Dương). **B.** Khởi nghĩa Phan Bá Vành (Thái Bình).

**C.** Khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang). **D.** Khởi nghĩa Lam Sơn (Thanh Hoá).

Câu 95: Năm 1400, Hồ Quý Ly buộc vua Trần nhường ngôi và lập ra triều đại

**A.** nhà Lê sơ. **B.** nhà Nguyễn. **C.** nhà Hồ. **D.** nhà Lý.

Câu 96: Sau khi lên ngôi và lập ra nhà Hồ, Hồ Quý Ly đã tiếp tục

**A.** tổ chức kháng chiến chống quân Xiêm. **B.** tổ chức kháng chiến chống quân Thanh

**C.** mở rộng lãnh thổ về phía Nam. **D.** tiến hành cuộc cải cách sâu rộng.

Câu 97: Công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều đại nhà Hồ không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

**A.** Văn hoá - giáo dục. **B.** Chính trị - quân sự. **C.** Kinh tế - xã hội. **D.** Thể thao - du lịch.

Câu 98: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

**A.** Nước Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

**B.** Nhà Trần đang trong giai đoạn phát triển thịnh đạt.

**C.** Giặc Tống sang xâm lược nước ta lần thứ nhất.

**D.** Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển đỉnh cao.

Câu 99: Về kinh tế - xã hội, nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất lớn trong các điền trang, thái ấp của quý tộc, Hồ Quý Ly đã

**A.** cho phát hành tiền giấy. **B.** ban hành chính sách hạn điền.

**C.** cải cách chế độ giáo dục. **D.** thống nhất đơn vị đo lường.

Câu 100: Trong cải cách của Hồ Quý Ly, việc quy định số lượng gia nô được sở hữu của các vương hầu, quý tộc, quan lại được gọi là

**A.** phép hạn gia nô. **B.** chính sách hạn điền. **C.** chính sách quân điền. **D.** bình quân gia nô.

Câu 101: Xây dựng nhiều thành luỹ kiên cố, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

**A.** kinh tế. **B.** văn hoá. **C.** quân sự. **D.** xã hội.

Câu 102: Hạn chế sự phát triển của Phật giáo, chấn chỉnh lại chế độ thi cử, đề cao chữ Nôm là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

**A.** kinh tế, xã hội. **B.** văn hoá, giáo dục. **C.** chính trị, quân sự. **D.** hành chính, pháp luật.

Câu 103: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đề cao tư tưởng, tôn giáo nào sau đây?

**A.** Phật giáo. **B.** Đạo giáo. **C.** Nho giáo. **D.** Thiên chúa giáo.

Câu 104: Trong cải cách về văn hoá, Hồ Quý Ly khuyến khích và đề cao chữ viết nào sau đây?

**A.** Chữ Nôm. **B.** Chữ Hán. **C.** Chữ Latinh. **D.** Chữ Quốc ngữ.

Câu 105: Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của triều đại nhà Trần ở nửa sau thế kỉ XIV?

**A.** Đất nước bị quân Minh xâm lược, đô hộ và bóc lột về kinh tế

**B.** Nhà nước không quan tâm sản xuất, quan lại ăn chơi hưởng lạc.

**C.** Chiến tranh giữa các phe phái quyền lực đối lập diễn ra liên miên

**D.** Nhà Trần tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược tốn kém.

Câu 106: Về kinh tế - xã hội, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly không đề cập đến nội dung nào sau đây?

**A.** Ban hành tiền giấy thay thế tiền đồng. **B.** Hạn chế sở hữu ruộng tư của quý tộc.

**C.** Thống nhất đơn vị đo lường cả nước. **D.** Chế tạo vũ khí, đóng thuyền chiến**.**

Câu 107: Về văn hóa - giáo dục, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly không đề cập đến nội dung nào sau đây?

**A.** Bắt tất cả các nhà sư phải hoàn tục. **B.** Chú trọng việc tổ chức các kì thi.

**C.** Khuyến khích sử dụng chữ Nôm. **D.** Mở trường học ở các lộ, phủ, châu.

Câu 108: Để tăng cường khả năng bảo vệ đất nước, Hồ Quý Ly đã thực hiện biện pháp nào sau đây?

**A.** Gả các công chúa cho các tù trưởng miền núi. **B.** Thi hành chính sách thần phục nhà Minh.

**C.** Tăng cường lực lượng quân đội chính quy. **D.** Quan hệ hoà hiếu với Chăm-pa, Chân Lạp.

Câu 109: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc cải cách Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

**A.** Bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực đất nước

**B.** Là cuộc cải cách triệt để giúp đất nước vượt qua khủng hoảng.

**C.** Góp phần xây dựng nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc.

**D.** Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về việc trị nước.

Câu 110: Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

**A.** Góp phần nâng cao tiềm lực quốc phòng. **B.** Giúp nông dân có thêm ruộng đất để sản xuất.

**C.** Văn hoá dân tộc, nhất là chữ Nôm được đề cao. **D.** Giữ vững nền độc lập dài lâu cho dân tộc.

Câu 111: Tình trạng nào sau đây thể hiện sự suy yếu về chính trị của nhà Trần nửa sau thế kỉ XIV?

A. Tầng lớp quý tộc suy thoái, xuất hiện các cuộc khởi nghĩa của nô lệ

B. Chính quyền địa phương khủng hoảng; hạn hán, mất mùa diễn ra thường xuyên

C. Quan hệ với Chăm – pa và nhà Minh căng thẳng, mất mùa diễn ra thường xuyên

D. Triều chính bị gian thần lũng đoạn, việc nước không còn được quan tâm

Câu 112: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và nhà Hồ được tiến hành

A. từ những năm 80 của thế kỉ XIV đến trước khi quân Minh xâm lược

B. từ những năm 70 của thế kỉ XIV đến trước khi quân Minh xâm lược

C. từ khi Hồ Quý Ly trở thành một đại thần đến khi ông qua đời

D. từ khi Hồ Quý Ly lên làm vua đến trước khi quân Minh xâm lược

Câu 113: Trong phương thức tuyển chọn quan lại, Hồ Quý Ly và nhà Hồ tăng cường

A. mở các khoa thi B. bổ sung tầng lớp quý tộc

C. Thải hồi những người già yếu D. Bổ sung những người khỏe mạnh

Câu 114: Hồ Quý Ly đã thực hiện chính sách nào sau đây trong lĩnh vực sở hữu ruộng đất?

A. Giảm thiểu sở hữu ruộng đất quy mô lớn của quý tộc

B. Tăng cường sở hữu ruộng đất quy mô lớn của quan lại

C. Hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân

D. Khuyến khích sử hữu ruộng đất của địa chủ và tư nhân

Câu 115: Trong lĩnh vực văn hóa, Hồ Quý Ly và nhà Hồ đã

A. đề cao Nho giáo, hạn chế Phật giáo và Đạo giáo

B. Chủ trọng Nho giáo và Phật giáo, hạn chế Đạo giáo

C. Khuyến khích Phật giáo, hạn chế Nho giáo

D. Hạn chế Nho giáo và Phật giáo, đề cao Đạo giáo

Câu 116: Về mặt chính trị, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly đã đưa đến

A. sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ phong kiến

B. sự hình thành của chế độ quân chủ chuyên chế theo đường lối nhân trị

C. sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối pháp trị

D. sự phát triển đỉnh cao của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối pháp trị

Câu 117: Nội dung nào sau đây trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly diễn ra trên lĩnh vực kinh tế?

A. In và phát hành tiền giấy. B. Đặt thêm các đơn vị hành chính.

C. Ban hành hình luật mới. D. Thải hồi những binh sĩ già yếu.

Câu 118: Một trong những công trình kiến trúc cuối thế kỉ XIV bằng đá độc đáo bậc nhất của Việt Nam và thế giới, được UNESCO ghi danh là

A. Luỹ Trường Dực.         B. Luỹ Bán Bích.       C. Thành Nhà Hồ.                D. Kinh thành Huế.

Câu 119: Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

A. Kinh tế phát triển, đất nước thái bình, thịnh trị. B. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

C. Kinh tế trì trệ, nạn mất mùa xảy ra liên tiếp. D. Các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi.

Câu 120: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

A. Nhà Trần lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu trên nhiều lĩnh vực.

B. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh bùng lên ở khắp mọi nơi.

C. Đất nước độc lập, tự chủ, kinh tế phát triển hơn so với giai đoạn trước

D. Đất nước có nhiều biến động song nền kinh tế vẫn tiếp tục phát triển.

Câu 121: Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về chính trị của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

A. Hạn chế gia nô, chủ gia nô chỉ được có một số nô tì nhất định

B. Hạn chế sự phát triển thái quá của Phật giáo và Đạo giáo.

C. Xóa bỏ tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất.

D. Thành lập nhiều cơ quan, đặt ra nhiều chức quan mới.

Câu 122: Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về xã hội của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

**A**. Sửa đổi nội dung các khoa thi. **B**. Ban hành quy chế và hình luật mới.

**C**. Kiểm soát hộ tịch trên cả nước. **D**. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm.

Câu 123: Ý nào sau đây không phải là nội dung cải cách trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

A. Dịch sách từ chữ Nôm sang chữ Hán. B. Chấn chỉnh lại chế độ thi cử, mở rộng việc học.

C. Đề cao Nho giáo thực dụng, chống giáo điều. D. Dùng chữ Nôm để chấn hưng văn hóa dân tộc.

Câu 124: Nội dung nào sau đây là cải cách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

A. Xây dựng phòng tuyến chống giặc trên sông Như Nguyệt.

B. Ban hành quy chế và hình luật mới của quốc gia.

C. Cải tiến vũ khí, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến.

D. Bố trí mai phục và đóng cọc gỗ trên sông Bạch Đằng.

Câu 125: Tăng cường kiểm tra giám sát quan lại đặc biệt là ở các cấp địa phương là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ trên lĩnh vực

**A**. tổ chức chính quyền, luật pháp **B**. quân đội, quốc phòng.

**C**. kinh tế, xã hội. **D**. văn hóa, giáo dục.

Câu 126: Dưới triều Hồ, những tôn giáo nào bị suy giảm vai trò và vị trí so với các triều đại trước?

**A**. Nho giáo và đạo giáo. **B**. Phật giáo và Đạo giáo.

**C.** Hin-đu giao và Hồi giáo. **D**. Đạo Thiên chúa và Phật giáo.

Câu 127: Với cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV, hệ tư tưởng nào từng bước trở thành ý thức hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội Đại Việt?

**A**. Nho giáo **B**. Phật giáo **C**. Đạo giáo. **D**. Thiên chúa giáo

Câu 128: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đưa đến sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối

**A**. nhân trị. **B**. đức trị **C**. thần trị. **D**. pháp trị.

Câu 129: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

A. Vai trò, sức mạnh của nhà nước được tăng cường. B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

C. Lĩnh vực quân đội, quốc phòng được củng cố. D. Giúp Đại Việt thoát khỏi nguy cơ bị xâm lược.

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai**

Câu 130: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Tiền giấy chẳng qua chỉ là mảnh giấy vuông, phí tổn chỉ đáng năm ba đồng tiền, mà đem đổi lấy vật đáng 5 - 6 trăm đồng của người ta, cố nhiên không phải là cái đạo đúng mức. Vả lại, người có tiền giấy cất giữ cũng dễ rách nát, mà kẻ làm giả mạo sinh ra không cùng, thực không phải là cách bình ổn vật giá mà lưu thông của cải của dân vậy. Quý Ly không xem xét kĩ đến cái gốc lợi hại, chỉ ham chuộng hư danh sáng chế, để cho tiền của hàng hoá thường vẫn lưu thông tức là sinh ra ứ đọng, khiến dân nghe thấy đã sợ, thêm mối xôn xao, thể có phải là chế độ bình trị đâu”.

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.112)

a. Tiền giấy “Thông bảo hội” mà Hồ Quý Ly ban hành dễ bị làm giả và khó cất giữ

b. Việc sử dụng tiền giấy thay tiền đồng không ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hàng hóa lúc bấy giờ

c. Đoạn trích phê phán việc thay tiền đồng bằng tiền giấy của Hồ Quý Ly

d. Một trong những nhược điểm của việc sử dụng tiền giấy lúc bấy giờ là dễ bị làm giả

**a. Đ b. S c. Đ d. Đ**

Câu 131: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Về văn hoá, tư tưởng, cải cách của Hồ Quý Ly thể hiện tinh thần phát huy văn hoá dân tộc, đề cao chữ Quốc ngữ (chữ Nôm), đồng thời bài bác tư tưởng các thánh hiền Trung Quốc mà gần như toàn thế giới nho sĩ bấy giờ vẫn coi là bất khả xâm phạm. Về giáo dục, nội dung cải cách thể hiện tinh thần yêu nước, tính đại chúng và gắn bó với cuộc sống.

(Phan Đăng Thanh - Trương Thị Hoà, *Cải cách Hồ Quý Ly*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2012, tr.156)

a. Đoạn trích đề cập đến cải cách của Hồ Quý Ly trên tất cả mọi lĩnh vực

b. Cải cách về văn hóa, tư tưởng của Hồ Quý Ly thể hiện nhiều điểm tích cực, tiến bộ

c. Về chữ viết, Hồ Quý Ly đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Hán, đồng thời vẫn cho phép người dân được sử dụng chữ Nôm trong sáng tác thơ văn

d. Một trong những ưu điểm trong cải cách của Hồ Quý Ly là nội dung giáo dục thể hiện tinh thần yêu nước, mang tính quần chúng sâu sắc

**a. S b. Đ c. S d. Đ**

Câu 132: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Năm 1397, tháng 6, xuống chiếu hạn chế danh điền (ruộng tư). Đại vương và trưởng công chúa thì số ruộng không hạn chế; đến thứ dân thì số ruộng là 10 mẫu. Người nào có nhiều nếu có tội, thì cho tùy ý được lấy ruộng để chuộc tội, bị biếm chức hay mất chức cũng được làm như vậy. Số ruộng thừa phải hiến cho nhà nước.”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.291, 293)

a. Chính sách hạn điền của Hồ Quý Ly đã hạn chế sự phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất

b. Chính sách hạn điền được áp dụng với tất cả mọi đối tượng trong xã hội, kể cả Đại vương

c. Chính sách hạn điền chắc chắn sẽ vấp phải sự chống cự của quý tộc Trần và một bộ phận nông dân có ruộng tư

d. Với chính sách hạn điền, tùy theo chức vụ và cấp bậc, số lượng ruộng đất sở hữu của tư nhân sẽ ít dần đi

**a. Đ b. S c. Đ d. Đ**

Câu 133: Đọc đoạn tư liệu sau:

Năm 1402, “Định lại các lệ thuế và tô ruộng. Triều trước mỗi mẫu thu 3 thăng thóc, nay thu 5 thăng. Bãi dâu triều trước thu mỗi mẫu 9 quan hoặc 7 quan tiền, nay thu hạng thượng đẳng mỗi mẫu 5 quan tiền giấy, hạng trung đẳng mỗi mẫu 4 quan tiền giấy, hạng hạ đẳng 3 quan tiền giấy. Tiền nộp hàng năm của đinh nam trước thu 3 quan, nay chiểu theo số ruộng, người nào chỉ có 5 sào ruộng thì thu 5 tiền giấy, từ 6 sào đến 1 mẫu thì thu 1 quan,…. Đinh nam không có ruộng và trẻ mồ côi, đàn bà góa, thì dẫu có ruộng cũng thôi không thu”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.203, 204)

a. Trong cải cách của mình, Hồ Quý Ly đã cho điều chỉnh thế khóa, tăng thuế ruộng, hạ thuế bãi dâu

b. Nội dung cải cách trên đã hạn chế đáng kể sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân

c. Thể lệ thu thuế trong cải cách của Hồ Quý Ly được chia theo các hạng đất chứ không cào bằng như trước

d. Chính sách thu thuế của Hồ Quý Ly thể hiện sự nhân đạo và tiến bộ với một số đối tượng đặc biệt khó khăn trong xã hội

**a. Đ b. S c. Đ d. Đ**

Câu 134: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Năm 1401, mùa hạ, tháng 4, Hán Thương sai làm sổ hộ tịch trong cả nước,…. Biên hết vào sổ những nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên và lấy sổ hiện tại làm thực số, không cho phép người lưu vong mà vẫn biên tên trong sổ. Yết thị cho các phiên trấn hễ có người Kinh nào trú ngụ thì đuổi về nguyên quán…. Trước đây Quý Ly có lần nói với các quan: “làm thế nào để có được 100 vạn quân để chống giặc Bắc?” Đồng tri khu mật sứ Hoàng Hối Khanh dâng kế sách này.”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.201)

a. Đoạn trích đề cập đến cải cách của Hồ Quý Ly trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng

b. Việc làm sổ hộ tịch trong cả nước đã chấn chỉnh tình trạng khai man hoặc ẩn lậu dân đinh ở làng xã

c. Chính sách cải cách trên đã giúp nhà Hồ có thể tuyển lựa quân với số lượng lớn

d. Việc làm sổ hộ tịch trong cả nước vừa phục vụ yêu cầu an sinh xã hội vừa phục vụ nhu cầu quốc phòng

**a. S b. Đ c. Đ d. Đ**

Câu 135: Đọc đoạn tư liệu sau:

Năm 1397, Hồ Quý Ly cho xây thành Tây Đô (còn gọi là thành Nhà Hồ, thuộc Thanh Hóa ngày nay) rồi ép vua Trần dời đô về đây. Phía ngoài thành là hệ thống hào quy mô lớn kết hợp lũy tre gai dày đặc. Năm 1402, nhà Hồ đắp sửa đường sá từ thành Tây Đô đến Hóa Châu (Thừa Thiên Huế và phía Bắc Quảng Nam ngày nay). Năm 1405, nhà Hồ cho quân đóng cọc gỗ lớn ở cửa biển và những nơi xung yếu trên sông để phòng giặc, xây dựng hệ thống phòng thủ dài hàng trăm ki – lô – mét

(*Sách Giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ Cánh diều, tr.64)

a. Đoạn trích đế cập đến một số hoạt động của nhà Hồ nhằm chấn chỉnh quốc phòng

b. Việc xây thành Tây Đô, đắp sửa đường sá của Hồ Quý Ly nhằm mục đích duy nhất là bảo vệ quyền lợi vương triều Hồ

c. Đoạn trích chủ yếu nhằm phê phán sự lộng quyền của Hồ Quý Ly về mặt quân đội, quốc phòng

d. Việc xây thành Tây Đô, đắp sửa đường sá, đóng cọc gỗ lớn ở cửa biển của Hồ Quý Ly xuất phát từ thực trạng đất nước đứng trước nguy cơ ngoại xâm

**a. Đ b. S c. S d. Đ**

**BÀI 10: CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)**

Câu 136: Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông được tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Nội bộ triều đình có nhiều mâu thuẫn, biến động.

B. Nền kinh tế sa sút, nạn đói diễn ra thường xuyên

C. Đất nước đứng trước nguy cơ bị nhà Minh xâm lược

D. Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng trầm trọng

Câu 137: Công cuộc cải cách của Lê Thánh Tông được tiến hành trên mọi lĩnh vực, nhưng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực

A. kinh tế. B. giáo dục. C. hành chính. D. văn hóa.

Câu 138: Để quản lý đất nước, vua Lê Thánh Tông đã cho ban hành bộ luật nào sau đây?

A. Hình thư B. Quốc triều hình luật. C. Hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 139: Trong lĩnh vực văn hóa, Lê Thánh Tông đặc biệt đề cao hệ tư tưởng

A. Phật giáo B. Đạo giáo C. Nho giáo D. Thiên chúa giáo

Câu 140: Ban cấp ruộng đất ruộng đất cho quý tộc, quan lại cao cấp từ nhất phẩm đến tứ phẩm là nội dung chủ yếu của chính sách cải cách nào sau đây của vua Lê Thánh Tông?

A. Quân điền B. Hạn điền C. Hạn nô D. Lộc điền

Câu 141: Ruộng đất công ở các làng xã thời Lê Thánh Tông được phân chia theo chế độ nào sau đây?

A. Điền trang. B. Lộc điền. C. Quân điền. D. Hạn điền

Câu 142: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống cơ quan phụ trách đạo thừa tuyên có tên gọi là

A. Tam ty B. Lục bộ C. Lục khoa D. Thông chính ty

Câu 143: Năm 1471, vua Lê Thánh Tông cho lập thêm đạo thừa tuyên thứ 13 có tên gọi là

A. Hà Nội. B. Phú Xuân. C. Quảng Nam. D. Tây Đô.

Câu 144: Trong cuộc cải cách thế kỉ XV, dưới đạo thừa tuyên, vua Lê Thánh Tông thiết lập hệ thống

A. phủ, huyện/châu, xã. B. tỉnh/thành phố, huyện, xã

C. lộ, trấn, phủ, huyện/châu D. tỉnh, phủ, huyện, slàng.

Câu 145: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống quan lại được tuyển chọn chủ yếu thông qua

A. dòng dõi tôn thất B. tiến cử C. giáo dục – khoa cử D. đề cử

Câu 146: Nội dung nào sau đây phản ảnh đúng mục đích cải cách của vua Lê Thánh Tông?

A. Tăng cường quyền lực của hoàng đế và củng cố bộ máy nhà nước

B. Giải quyết tình trạng khủng hoảng trầm trọng của đất nước bấy giờ

C. Biến nước ta trở thành cường quốc lớn mạnh hàng đầu trong khu vực.

D. Tăng cường tiềm lực đất nước chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm

Câu 147: Để tập trung quyền lực vào nhà vua, Lê Thánh Tông đã

A. Bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ B. Chú trọng đổi mới giáo dục khoa cử

C. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô D. Coi trọng bảo vệ quyền lợi phụ nữ, trẻ em

Câu 148: “Đây là một bộ luật đầy đủ… gồm hơn 700 điều, quy định khá đầy đủ tội danh và hình phạt liên quan đến hầu hết các hoạt động xã hội, bảo vệ quyền hành của giai cấp thống trị, một số quyền lợi chân chính của nhân dân và an ninh đất nước”. Nhận xét trên đề cập đến bộ luật nào sau đây?

A. Hình luật. B. Hình thư. C. Quốc triều hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 149: Năm 1460, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành

**A.** cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực. **B.** mở cuộc tiến công sang Trung Quốc.

**C.** công cuộc thống nhất đất nước. **D**. khuyến khích phát triển ngoại thương.

Câu 150: Một trong những điểm mới và tiến bộ của bộ luật Quốc triều hình luật là

**A.** đề cao quyền tự do, dân chủ của nhân dân. **B.** bảo vệ tuyệt đối quyền và lợi ích của vua.

**C.** bảo vệ quyền và lợi ích của quân cấm binh. **D.** bảo vệ quyền lợi và địa vị của người phụ nữ.

Câu 151: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về chức năng của Lục bộ dưới thời vua Lê Thánh Tông?

**A.** Cơ quan giúp việc cho Lục Tự, Lục khoa **B.** Theo dõi, giám sát hoạt động của Lục khoa.

**C.** Cơ quan cao cấp chủ chốt trong triều đình. **D.** Phụ trách hoạt động quân sự của nhà nước.

Câu 152: Nội dung nào sau đây không phải là cải cách hành chính ở cấp trung ương của vua Lê Thánh Tông?

**A.** Chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.

**B.** Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.

**C.** Giữ lại một số ít quan đại thần cùng vua bàn việc khi cần.

**D.** Tổ chức hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục Bộ, Lục khoa

Câu 153: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa cải cách của vua Lê Thánh Tông thế kỉ XV?

A. Nâng cao tiềm lực quốc gia, đẩy lùi nguy cơ ngoại xâm cận kề

B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trầm trọng

C. Góp phần ổn định và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội Đại Việt

D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ và hành chính

Câu 154: Nội dung nào sau đây không phải là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực hành chính?

A. Thành lập Lục bộ đảm nhiệm công việc chủ yếu của quốc gia

B. Tăng cường chế độ kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan

C. Chia cả nước từ 5 đạo thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô

D. Đề cao Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn

Câu 155: Nội dung nào sau đây là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực văn hóa – giáo dục?

A. Quy định chặt chẽ chế độ khoa cử B. Thành lập Lục khoa giám sát Lục bộ

C. Ban hành chế độ lộc điền và quân điền D. Hạn chế quyền lực của vương hầu, quý tộc

Câu 156: Nội dung nào sau đây là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực quân đội, quốc phòng?

A. Bãi bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn

B. Chú trọng xây dựng đội ngũ quan lại có phẩm chất tốt

C. Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý đất nước

D. Tổ chức các kì thi khảo võ nghệ để tuyển chọn tướng sĩ

Câu 157: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm giống nhau giữa cải cách của Hồ Quý Ly và vua Lê Thánh Tông?

A. Cải cách chủ yếu mô phỏng theo mô hình nhà Minh (Trung Quốc)

B. Cải cách thành công trọn vẹn và mang tính triệt để trên mọi lĩnh vực

C. Cải cách nhằm tập trung quyền lực về tay vua và triều đình trung ương

D. Cải cách toàn diện, quy mô lớn nhưng tập trung vào lĩnh vực quân đội

Câu 158: Phân chia ruộng công ở các làng xã cho quan lại từ tam phẩm trở xuống đến các tầng lớp nhân dân là nội dung chủ yếu của chính sách cải cách nào sau đây của vua Lê Thánh Tông?

A. Quân điền B. Hạn điền C. Hạn nô D. Lộc điền

Câu 159: Công cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông thế kỉ XV không được tiến hành trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Hành chính B. Giáo dục C. Kinh tế D. Ngoại giao

Câu 160: “Coi trọng biên soạn quốc sử” là nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Quân đội B. Văn hóa C. Luật pháp D. Kinh tế

Câu 161: Trong nội dung cải cách, Hồ Quý Ly và vua Lê Thánh Tông đều

A. bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ có nhiều quyền lực

B. khuyến khích và đề cao sử dụng chữ Nôm trong thi cử

C. hạn chế sỡ hữu ruộng đất quy mô lớn của quý tộc tôn thất

D. tăng cường cơ chế giám sát, ràng buộc nhau giữa các cơ quan

Câu 162: Năm 1484, vua Lê Thánh Tông quyết định cho dựng bia ghi tên Tiến sĩ nhằm

A. tập trung quyền lực vào tay vua và triều đình trung ương

B. đề cao Nho học và tôn vinh các bậc trí thức Nho học

C. phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc

D. tăng cường sự ràng buộc lẫn nhau giữa các cơ quan

Câu 163: Nội dung nào sau đây không phải là cải cách hành chính ở cấp địa phương của vua Lê Thánh Tông?

**A.** Chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.

**B.** Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.

**C.** Thành lập cơ quan đứng đầu các đạo Thừa tuyên là Tam ty

**D.** Bãi bỏ lộ, trấn cũ , thành lập hệ thống phủ, huyện/châu, xã

Câu 164: Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa về cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV?

**A.** Mở ra khả năng độc lập, tự chủ đầu tiên cho dân tộc ta.

**B.** Làm chuyển biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia.

**C.** Tạo thế và lực cho ta đánh bại quân xâm lược Minh.

**D.** Tạo tiền đề cho cuộc chiến tranh xâm lược phương Bắc.

Câu 165: Để tăng cường sức mạnh quân đội, trong cải cách của mình, vua Lê Thánh Tông đã

A. Quy định chặt chẽ kỉ luật quân đội và huấn luyện, tập trận

B. Thải hồi những binh sĩ già yếu, bổ sung người khỏe mạnh

C. Tăng cường tuyển quân quy mô lớn, ồ ạt ở các địa phương

D. Chú trọng cải tiến vũ khí, phòng thủ những nơi hiểm yếu

Câu 166: Một trong những điểm mới của bộ Quốc triều hình luật là

A. có sự gia tăng hình phạt đối với người phạm tội nếu đã đến tuổi trưởng thành

B. có sự phân biệt hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc còn nhỏ

C. đề cao quyền lợi và địa vị của nam giới, quy định cụ thể về tố tụng

D. xóa bỏ hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc còn nhỏ

Câu 167: Nội dung nào sau đây không phải là những giá trị cơ bản mà cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông thế kỉ XV mang lại?

A. Không để quyền lực tập trung quá nhiều vào một cơ quan, để ngăn chặn sự lộng quyền.

B. Xây dựng quy chế vận hành bộ máy nhà nước trên nguyên tắc quyền lực thuộc về nhân dân.

C. Các cơ quan Nhà nước giảm sát lẫn nhau để hạn chế sự lạm quyền và nâng cao trách nhiệm.

D. Thanh lọc, tỉnh giản một số chức quan, cơ quan và các cấp chính quyền trung gian.

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai**

Câu 168: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nay quan gia còn trẻ thơ mà thiên tai xảy ra luôn, trẫm (tức Lê Nhân Tông) rất lo sợ. Mối hại ngày nay có thể là do gây bè cánh, tiến cử không công bằng, có thể vì cậy thế công thần nơi tiềm để cho vợ con chạy chọt nhờ vả nơi quyền thế, có thể do để bọn gia nô làm hại dân lành, hay thậm thụt ở các nhà quyền thế để xin khỏi tội,..”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.372)

a. Đoạn trích phản ánh mối lo ngại của vua Lê Nhân Tông về thực trạng kinh tế, chính trị của quốc gia lúc bấy giờ

b. Theo vua Lê Nhân Tông, một trong những nguyên nhân khiến triều đình có nhiều biến động là do tình trạng phe cánh, bè phái trong nội bộ hệ thống quan lại

c. Dưới thời vua Lê Nhân Tông, thiên tai xảy ra liên tiếp là do triều đình không quan tâm đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân

d. Một bộ phận công thần dưới thời vua Lê Nhân Tông có nhiều biểu hiện của sự lộng quyền

**a. Đ b. Đ c. S d. Đ**

Câu 169: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triều thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có công nhưng không có học thức, thay vào đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lí các bộ đã hạn chế sự cồng kềnh, quan liêu của bộ máy hành chính”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 91)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, quân sự

b. Một số quan lại đương chức nhưng không có học thức đã bị Lê Thánh Tông bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử

c. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã thực hiện một số biện pháp thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều

d. Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã khiến quyền lực được tập trung cao độ vào trong tay nhà vua

**a. S b. Đ c. S d. Đ**

Câu 170: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chế độ quân điền, chia ruộng đất công làng xã cho người dân, từ quan tam phẩm trở xuống đến binh lính, dân đinh, cư dân trong thôn xã theo tỉ lệ. Chính sách quân điền phủ định quyền chi phối ruộng đất công của làng xã theo tục lệ, buộc làng xã phải tuân thủ những nguyên tắc quy định về phân chia và hưởng thụ bộ phận ruộng đất công theo quy định của nhà nước. Trên nguyên tắc, ruộng đất công làng xã không được đem mua bán, chuyển nhượng, quyền đó thuộc về vua. Vua trở thành người chủ lớn nhất trong cả nước và nông dân làng xã trở thành tá điền của nhà nước, làng xã quản lí ruộng đất cho nhà nước trung ương và nhà vua”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 109)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực kinh tế

b. Chế độ quân điền mà vua Lê Thánh Tông ban hành có điểm tích cực là đảm bảo cho người dân có ruộng đất để cày cấy, canh tác

c. Với chính sách quân điền, nhà nước Lê sơ trở thành thế lực địa chủ tối cao, làng xã biến thành đơn vị thay mặt nhà nước quản lý ruộng đất

d. Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, chính sách quân điền gây ra nhiều hệ quá tiêu cực hơn là tích cực

**a. Đ b. Đ c. Đ d. S**

Câu 171: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau nắm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. Cấm binh coi giữ ba ty để làm vuốt nanh, tim óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc…. Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương…. Tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau…”

(Lời dụ của Lê Thánh Tông, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.453).

a. Lời dụ trên thể hiện nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, cụ thể là tổ chức bộ máy chính quyền

b. Các cơ quan trung ương được nhắc đến trong lời dụ gồm: sáu bộ, sáu khoa, sáu tự, thừa ty

c. Tổng binh là một trong những chức vụ quan lại được nhắc đến trong lời dụ của vua Lê Thánh Tông

d. Theo lời dụ của Lê Thánh Tông, tất cả các cơ quan, chức quan cần làm việc một cách minh bạch, dân chủ, độc lập, tránh ràng buộc nhau

**a. Đ b. S c. Đ d. S**

Câu 172: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV diễn ra trên nhiều lĩnh vực, trong đó lĩnh vực hành chính là một trong những thành tựu lớn. Sử sách cho biết bộ bản đồ Hồng Đức được thực hiện dưới thời vua Lê Thánh Tông từ năm 1476 đến năm 1490 thì hoàn thành. Đây là bộ bản đồ địa lý và hành chính đầu tiên ở Việt Nam được nhà nước phong kiến trực tiếp chỉ đạo thực hiện vẽ trên giấy một cách hoàn chỉnh và khoa học. Dù bộ bản đồ gốc đã bị thất lạc, song qua những tư liệu còn lưu lại đến ngày nay giúp ta phần nào hiểu được cương vực, địa giới Đại Việt thế kỉ XV. Sự ra đời của bộ bản đồ cũng đồng thời phản ánh kết quả to lớn của cuộc cải cách hành chính được vua Lê Thánh Tông tiến hành thời ấy”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.71)

a. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông là một cuộc cải cách toàn diện, quy mô lớn, nhưng trọng tâm là cải cách hành chính.

b. Bộ bản đồ Hồng Đức là bộ bản đồ địa lý và hành chính đầu tiên ở Việt Nam do triều đình phong kiến trực tiếp tiến hành.

c. Bộ bản đồ Hồng Đức không phải là thành tựu trong công cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực hành chính.

d. Bộ bản đồ Hồng Đức hiện nay là một tư liệu lịch sử quý giá giúp các nhà sử học nghiên cứu về cương vực, địa giới Đại Việt thế kỉ XV.

**a. Đ b. Đ c. Đ d. S**

Câu 173: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Con gái hứa gả chồng mà chưa thành hôn nếu người con trai bị ác tật hay phạm tội hoặc phá tán gia sản thì cho phép người con gái kêu quan mà trả lại đồ lễ. Nếu người con gái bị ác tật hay phạm tội thì không phải trả lại đồ lễ, trái luật bị phạt 80 trượng” (Điều 322).

“Phá trộm đê làm thiệt hại nhà cửa, lúa má của dân thì xử tội đồ hay tội lưu và bắt đền thiệt hại” (Điều 596).

(Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê) (Viện Sử học dịch), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.113 – 114, 190)

a. Quốc triều hình luật là bộ luật tiêu biểu của quốc gia Đại Việt được ban hành dưới triều vua Lê Thánh Tông.

b. Điều 322 của bộ Quốc triều hình luật là một điều luật tiến bộ, đã bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ trong xã hội.

c. Điều 596 của bộ Quốc triều hình luật là một trong những điều luật quy định hình thức xử phạt của phạm nhân vi phạm trên lĩnh vực chính trị.

d. Với điều 596, ta có thể thấy rằng, bộ Quốc triều hình luật hướng tới bảo vệ những quyền lợi chân chính của nhân dân, nhất là nông dân.

**a. Đ b. Đ c. S d. Đ**

Câu 174: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1477, vua Lê Thánh Tông ban hành chính sách lộc điền và quân điền. Với chế độ quân điền, người dân đều được cấp cho ruộng đất công để cày cấy. Thể lệ thuế khóa (thuế đinh, thuế ruộng, thuế đất bãi trồng dâu) được nhà nước quy định theo hạng. Việc canh nông được khuyến khích. Nhà nước đặt Hà đê quan và Khuyến nông quan để quản lý việc đê điều, nông nghiệp; đặt Đồn điền quan để khuyến khích việc khẩn hoang, mở rộng diện tích”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.70)

a. Chính sách quân điền và chính sách lộc điền được ban hành năm 1477 là một trong những cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, hành chính.

b. Người dân được nhận ruộng đất theo chế độ lộc điền phải thực hiện một số nghĩa vụ đối với Nhà nước.

c. Hà đê quan, Khuyến nông quan, Đồn điền quan là những chức quan phụ trách quản lý và phát triển nông nghiệp.

d. Thể lệ thuế khóa đối với người dân được cấp ruộng đất để cày cấy thu theo từng hạng đất chứ không thu cào bằng.

**a. S b. S c. Đ d. Đ**

Câu 175: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong công cuộc cải cách bộ máy chính quyền, vua Lê Thánh Tông đã bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan có nhiều quyền lực. Vị trí và vai trò của các chức quan đại thần suy giảm so với trước. Mọi công việc trong triều đình tập trung về Lục bộ. Lục bộ trở thành sáu cơ quan chức năng cao cấp chủ chốt trong bộ máy triều đình, do nhà vua trực tiếp điều hành, chịu trách nhiệm trước nhà vua. Lục bộ cũng đồng thời chịu sự giám sát của Lục khoa tương ứng.

a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về cải cách của vua Lê Thánh Tông trên các lĩnh vực hành chính, quân đội, luật pháp.

b. Với cải cách của Lê Thánh Tông, nhà vua trực tiếp nắm quyền điều hành mọi việc, thông qua đầu mối lớn là Lục bộ, không thông qua bộ phận trung gian.

c. Lê Thánh Tông thành lập Lục khoa kiểm tra, giám sát các công việc của Lục bộ, nhằm ngăn ngừa sự lạm quyền của Lục bộ.

d. Cải cách của vua Lê Thánh Tông khiến nhiều chức quan đại thần bị suy giảm quyền hành.

**a. S b. Đ c. Đ d. Đ**

**BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG**

**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

Câu 256: Khu vực nào của Việt Nam không giáp với Biển Đông?

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Nam. D. Đông Nam.

Câu 257: Bờ biển nước ta dài khoảng 3260 km, kéo dài từ

A. tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh Kiên Giang. B. tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh An Giang

C. tỉnh Thái Bình đến tỉnh Cà Mau. D. tỉnh Nam định đến tỉnh Bình Thuận.

Câu 258: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tầm quan trọng của Biển Đông về quốc phòng, an ninh đối với Việt Nam?

A. Tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế biển đa dạng

B. Là cửa ngõ, tuyến phòng thủ bảo vệ đất liền từ xa.

C. Là con đường giao thương giữa các vùng trong cả nước.

D. Tạo thuận lợi cho Việt Nam phát triển thương mại hàng hải

Câu 259: Biển Đông nước ta góp phần quan trọng vào việc phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, ngoại trừ

A. nông nghiệp trồng lúa nước. B. thương mại hàng hải.

C. nuôi trồng thủy sản. D. du lịch - dịch vụ.

Câu 260: Về quốc phòng, an ninh, tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam được thể hiện ở điểm nào sau đây?

**A.** Là nơi có trữ lượng dầu khí lớn nhất thế giới.

**B.** Lànơi có nguồn tài nguyên sinh vật đa dạng.

**C.** Làkhu vực tập trung các tuyến đường chiến lược.

**D.** Là tuyến phòng thủ từ phía đông của đất nước.

Câu 261: Hệ thống các cảng nước sâu và cảng trung bình được xây dựng dọc Biển Đông là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển ngành kinh tế chủ yếu nào sau đây?

A. nông nghiệp lúa nước. B. thương mại hàng hải.

C. nuôi trồng thủy sản. D. khai thác tài nguyên biển.

Câu 262: Với vị trí địa lý và tài nguyên phong phú của Biển Đông, Việt Nam có thể khai thác phát triển nhiều ngành mũi nhọn, ngoại trừ

A. giao thông hàng hải B. du lịch biển

C. công nghiệp khai khoáng D. chăn nuôi gia cầm

Câu 263: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng tầm quan trọng của Biển Đông về kinh tế đối với Việt Nam?

A. Là con đường để Việt Nam giao lưu, hội nhập với các nền văn hóa khác

B. Là cửa ngõ để Việt Nam giao lưu kinh tế với các nước khác trên thế giới

C. Cung cấp tiềm năng bảo tồn đa dạng sinh học biển và nguồn giống hải sản

D. Tạo điều kiện thuận lợi đề phát triển đa dạng nhiều loại hình du lịch biển

Câu 264: Một trong những bãi biển nổi tiếng của nước ta ở miền Trung, là địa điểm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước là

A. Hạ Long B. Đà Nẵng C. Phú Quốc D. Cát Bà

Câu 265: Cảnh quan ở Biển Đông đa dạng với nhiều bãi cát, vịnh, hang động, tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển nghành kinh tế mũi nhọn nào sau đây?

A. Khai khoáng. B. Du lịch. C. Thương mại. D. Hàng hải .

Câu 266: Một trong những nguồn tài nguyên quan trọng nhất ở thềm lục địa Việt Nam ở Biển Đông là

A. dầu khí. B. gỗ lim. C. cánh kiến. D. đồi mồi.

Câu 267: Nguồn tài nguyên phong phú của Biển Đông đã tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam phát triển ngành

A. dệt may B. khai khoáng C. hàng không D. da giầy

Câu 268: Quốc gia đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là

A. Việt Nam. B. Trung QuốcC. Thái Lan. D. Campuchia.

Câu 269: Một trong những công trình sử học và địa lí ghi chép về cương vực, lãnh thổ và hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của nhà nước phong kiến Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa là

**A.** Đại Nam thực lục. **B.** Hịch tướng sĩ. **C.** Bình Ngô đại cáo. **D.** Ức Trai thi tập.

Câu 270: Từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX, tổ chức nào sau đây có nhiệm vụ đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

A. Đội Hoàng Sa, Bắc Hải B. Đội Trường Sa, Bắc Hải

C. Đội Hoàng Sa, Trường Sa. D. Đội Nam Hải, Đông Hải

Câu 271: Dưới thời vua Minh Mạng, hoạt động khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được thể hiện qua việc

**A.** thành lập các xã đảo, huyện đảo **B.** dựng miếu, trồng cây ở một số đảo

**C.** xây dựng các trạm khí tượng lớn **D.** xây dựng các trạm vô tuyến điện

Câu 272: Dưới thời kì nhà Nguyễn, một trong những biện pháp của Nhà nước nhằm xác lập chủ quyền và quản lý đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là

A. xây dựng trạm vô tuyến điện B. khảo sát đo vẽ bản đồ

C. thành lập các huyện đảo D. xây dựng ngọn hải đăng

Câu 273: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng nhiệm vụ của hải đội Hoàng Sa và Bắc Hải dưới triều Nguyễn?

A. Dựng miếu thờ và trồng cây ở một số đảo B. Đo đạc và cắm dấu mốc tại nơi khảo sát.

C. Ngăn tàu thuyền nước ngoài đến buôn bán D. Tiến hành thu gom, khai thác sản vật biển

Câu 274: Trong những năm 30 của thế kỉ XX, chính quyền Pháp đại diện cho Việt Nam trong quan hệ đối ngoại đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thông qua việc

A. thành lập đội Hoàng Sa B. thành lập đội Bắc Hải

C. xây dựng trạm khí tượng D. xây dựng sân bay lớn

Câu 275: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thông qua việc

A. thành lập huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa

B. thành lập đội Hoàng Sa, Bắc Hải và Trường Đà

C. cho hoàn thiện tập Đại Nam nhất thống toàn đồ

D. cử thủy quân ra tuần tra đảo định kì hàng năm

Câu 276: Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1945, quốc gia nào đại diện cho quyền lợi của Việt Nam tiếp tục khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

A. Trung Quốc B. Anh C. Mĩ D. Pháp

Câu 277: Sau khi Pháp rút khỏi Việt Nam theo Hiệp định Giơnevơ (1954), lực lượng nào sau đây đã tiếp quản và khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

A. Chính quyền Sài Gòn B. Chính quyền Bảo Đại

C. Chính quyền Pháp D. Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa

Câu 278: Nhằm bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông, biện pháp nào sau đây không được nhà nước Việt Nam áp dụng?

A. Chủ động tấn công vũ trang. B. Tuyên truyền chủ quyền biển, đảo

C. Đàm phán ngoại giao. D. Xây dựng lực lượng quản lý biển

Câu 279: Nội dung nào sau đây không phải là hoạt động của Việt Nam để bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay?

A. Kí kết với các nước láng giềng một số văn kiện ngoại giao quốc tế về biển

B. Tham gia Công ước Luật biển năm 1982 của tổ chức Liên hợp quốc

C. Chủ động tấn công ngăn chặn các nước có ý đồ xâm phạm biển

D. Thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông .

Câu 280: Chủ trương nhất quán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông hiện nay là

A. đấu tranh hòa bình. B. bạo lực cách mạng.

C.chiến tranh cách mạng. D. bãi công, bãi khóa

Câu 281: Văn kiện nào sau đây được kí kết giữa các nước ASEAN và Trung Quốc nhằm duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông?

A. Luật Biển Việt Nam B. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông

C. Luật Biên giới quốc gia D. Tuyên bố về các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam

Câu 282: Văn kiện nào sau đây do Nhà nước Việt Nam ban hành, khẳng định chủ quyền của nước ta đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

A. Công ước Liên hợp quốc về Luật biển

B. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông

C. Luật Cảnh sát biển Việt Nam

D. Hiến chương Liên hợp quốc

Câu 283: Tại hội nghị Hoà bình Xan Phran-xi-xcô (1951), khi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa tiếp tục được tuyên bố mà không bị các quốc gia tham dự hội nghị phản đối. Điều đó cho thấy

**A.** tính pháp lý quốc tế và lịch sử về chủ quyền của Việt Nam.

**B.** đây là những quần đảo không có giá trị cao về kinh tế.

**C.** đây là những quần đảo không có giá trị cao về quốc phòng.

**D.** các quốc gia tham dự hội nghị đều tuyệt đối tôn trọng luật Biển.

Câu 284: Nội dung nào sau đây là một trong những khó khăn của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp trên Biển Đông hiện nay?

**A.** Sự bất đồng về quan điểm giữa các bên liên quan đến Biển Đông

**B.** Lực lượng quân sự của ta quá yếu so với các nước Đông Nam Á

**C.** Các Ủy viên thường trực của Liên Hợp Quốc đều ủng hộ Trung Quốc.

**D.** Thiếu các bằng chứng pháp lí để khẳng định chủ quyền ở Biển Đông.

Câu 267:

“Xin hòa mình vào mênh mông biển cả

Hát ru Người yên giấc ngủ ngàn thu

64 người nhắm mắt để triệu người choàng tỉnh

Trái tim đập dồn về phía Trường Sa”

Những câu thơ trên nhắc đến sự kiện lịch sử nào sau đây trong quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam ở Biển Đông?

A. Pháp chuyển quyền kiểm soát Hoàng Sa và Trường Sa cho Bảo Đại

B. Cuộc chiến đấu của các chiến sĩ hải quân Việt Nam trên đảo Gạc Ma

C. Việt Nam đàm phán và kí kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông

D. Quân giải phóng miền Nam tiếp quản Trường Sa từ chính quyền Sài Gòn

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai**

Câu 285: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Biển Đông có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng, có đến hơn 160 000 loài, gần 10 000 loài thực vật và 260 loài chim sống ở biển. Trong đó, trữ lượng cá ở vùng biển nước ta khoảng 5 triệu tấn/năm, trữ lượng cá có thể đánh bắt hàng năm khoảng 2,3 triệu tấn. Trữ lượng dầu mỏ và khí đốt ở thềm lục địa Việt Nam được xác minh là gần 550 triệu tấn dầu và trên 610 tỉ m3 khí…. Bờ biển Việt Nam dài và có nhiều bãi cát, vịnh, hang động tự nhiên đẹp như Hạ Long, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Vũng Tàu, Hà Tiên,… là tiềm năng cho phát triển kinh tế du lịch. Đặc biệt, hệ thống ven biển của Việt Nam có nhiều địa điểm thuận lợi cho việc xây dựng các cảng nước sâu và trung bình, phục vụ tốt cho sự phát triển kinh tế đất nước.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.85)

a. Toàn bộ đoạn tư liệu cung cấp thông tin về sự phát triển của ngành khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản ở nước ta.

b. Tài nguyên sinh vật ở Biển Đông bao gồm hai loại là thực vật và chim.

c. Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển du lịch biển do có nhiều vịnh, hang động, bờ biển đẹp ven Biển Đông.

d. Các cảng nước sâu và trung bình được xây dựng ven Biển Đông liên quan trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của đất nước.

**a. S b. S c. Đ d. Đ**

Câu 286: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, đi bằng năm chiếc thuyền nhỏ, ra biển ba ngày ba đêm thì đến đảo ấy. Lấy được hoá vật của tàu như là gươm ngựa, hoa bạc, hòn bạc, đổ đổng, khối chì, súng, ngà voi, đổ sứ, đổ chiêm, cùng là vỏ đồi mồi, hải sâm, hạt ốc vân rất nhiều... Đến kì tháng 8 thì về. Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải. Lệnh cho đi chiếc thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên”.

(Theo Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Văn hoá - Thông tin, 2007, tr. 155)

a. Đoạn trích trong cuốn *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn trình bày quá trình hình thành và phát triển của quần đảo Hoàng Sa.

b. Nhà Nguyễn đặt đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải nhằm thực hiện quyền quản lý của mình đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

c. Đội Hoàng Sa do nhà Nguyễn thành lập gồm 70 người, thực hiện nhiệm vụ của mình tại quần đảo Hoàng Sa định kì hàng năm từ tháng 2 đến tháng 10.

d. Một trong những nhiệm vụ của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải là khai thác sản vật, thu lượm hàng hóa của những con tàu gặp nạn ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

**a. S b. Đ c. S d. Đ**

Câu 287: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 7 - 1803, vua Gia Long cho lập lại đội Hoàng Sa, lấy Cai cơ Võ văn Phú làm Thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa. Đầu năm 1815, vua Gia Long tiếp tục “sai bọn Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa xem xét đo đạc thủy trình…”. Năm 1816, vua Gia Long cho lực lượng ra quần đảo Hoàng Sa cắm cờ để xác định chủ quyền. Sang đời Minh Mạng, việc đo đạc thủy trình chủ yếu giao cho thủy quân thực hiện. Trong các năm 1833, 1834, 1836, vua Minh Mạng đã chỉ thị cho Bộ Công phái người ra Hoàng Sa để dựng bia chủ quyền, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ… Mỗi thuyền vãng thám Hoàng Sa phải đem theo 10 tấm bài gỗ dài 4,5 thước, rộng 5 tấc để dựng làm dấu mốc”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.86)

a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về hoạt động xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa của một số vị vua nhà Nguyễn thế kỉ XVIII.

b. Đội Hoàng Sa đã được thành lập từ thời kì trước, sau đó vua Gia Long đã cho tái lập.

c. Một trong những hoạt động của vua Minh Mạng nhằm xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa là cho thủy quân dựng bia chủ quyền và vẽ bản đồ.

d. Đoạn tư liệu cho thấy ý thức về việc xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa của vua Gia Long và Minh Mạng chưa cao.

**a. S b. Đ c. Đ d. S**

Câu 288: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại Nam nhất thống toàn đồ là bản đồ Việt Nam dưới thời Nguyễn, được vẽ vào khoảng năm 1838, ghi rõ “Hoàng Sa”, “Vạn Lý Trường Sa” thuộc lãnh thổ Việt Nam, phía ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam thuộc lãnh thổ Việt Nam. Trong bài “Địa lý Vương quốc Cô – chin – chi – na” (Tạp chí Hội Địa lí Hoàng gia Luân Đôn, Tập 19, 1849, tr.93) của Gút – láp, có đoạn ghi rõ Pa – ra – xeo (tức Hoàng Sa) thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên Việt Nam là “Cát Vàng”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ Cánh diều, tr.86)

a. Đại Nam nhất thống toàn đồ là bản đồ Việt Nam dưới thời Nguyễn, được vẽ vào thế kỉ XVIII.

b. Đại Nam nhất thống toàn đồ là một tài liệu, căn cứ để khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa trong lịch sử thuộc chủ quyền của Việt Nam.

c. Chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa còn được ghi chép trong các tài liệu của người nước ngoài.

d. Đại Nam nhất thống toàn đồ là tấm bản đồ duy nhất của Việt Nam hiện nay thể hiện Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.

**a. S b. Đ c. Đ d. S**

Câu 289: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Với chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hòa bình, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc áp dụng có hiệu quả Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 để giải quyết các tranh chấp về phân định biển với các nước láng giềng. Việt Nam đã chủ động cùng các quốc gia có liên quan đàm phán, phân định các vùng biển chồng lấn theo quy định của Công ước, góp phần tạo môi trường ổn định, hòa bình, hợp tác và phát triển, như kí thỏa thuận hợp tác cùng phát triển dầu khí với Ma – lai – xi – a (1992), phân định biển với Thái Lan (1997), phân định Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc (2000), phân định thềm lục địa với In – đô – nê – xi – a (2003).

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ Cánh diều, tr.89)

a. Việt Nam chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông thông qua biện pháp hòa bình, thương lượng.

b. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển là một văn bản pháp lý quan trọng giúp Việt Nam có thể giải quyết các tranh chấp trên biển thông qua luật pháp quốc tế.

c. Việt Nam đã chủ động đàm phán và kí kết thỏa thuận với nhiều quốc gia có chung Biển Đông nhằm đảm bảo hòa bình, an ninh trên biển.

d. In – đô – nê – xi – a và Việt Nam đã đàm phán và cùng đi đến thỏa thuận hợp tác phát triển dầu khí trên biển năm 2003.

**a. Đ b. Đ c. Đ d. S**

Câu 290: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Quá khứ đã sang trang”, “sự kiện 14 – 3” cũng lùi vào dĩ vãng, song lịch sử thì không thể không nhắc nhở… Dù thời gian, năm tháng trôi, những trái tim Việt Nam vẫn không thể nào quên khúc bi tráng của những chiến sĩ hải quân Việt Nam. Trung tá hải quân Nguyễn Viết Chức (Lữ đoàn 171) từng nói: “Máu xương hôm qua đổ xuống là bài học để hôm nay chúng ta giữ biển, đảo bằng sức mạnh dân tộc. Trận chiến Gạc Ma đã được ghi trong chính sử Hải quân. Trận chiến ấy là nỗi đau mang hồn Tổ quốc. 64 liệt sĩ đã ngã xuống, mãi mãi bất tử trong lòng nhân dân.

a. “ Sự kiện 14 – 3” được nhắc đến ở đây chính là cuộc đấu tranh anh dũng của các chiến sĩ hải quân Việt Nam chống lại cuộc tấn công của tàu chiến Trung Quốc trên đảo Gạc Ma.

b. Sự kiện Gạc Ma được nhắc lại vừa để khơi dậy mối thù hằn dân tộc, vừa để thế hệ trẻ sống có trách nhiệm và quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

c. Theo trung tá hải quân Nguyễn Viết Chức, trận chiến Gạc Ma là thất bại của người dân Việt Nam trong lịch sử, nỗi đau ấy cần phải được quên đi.

d. Tài liệu về trận chiến Gạc Ma hiện nay chỉ được ghi chép trong chính sử của Hải quân Việt Nam.

**a. Đ b. S c. S d. S**

Câu 291: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Ngày 12 – 7 – 2021, trả lời câu hỏi của phóng viên đề nghị cho biết bình luận của Việt Nam nhân dịp kỉ niệm 5 năm Tòa trọng tài vụ kiện Biển Đông ra Phán quyết cuối cùng về vụ kiện của Phi – lip – pin, Người Phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Lê Thị Thu Hằng nêu rõ: “Lập trường của Việt Nam về việc giải quyết các tranh chấp liên quan ở Biển Đông là rõ ràng và nhất quán, theo đó, Việt Nam luôn ủng hộ việc giải quyết các tranh chấp về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán ở Biển Đông thông qua các tiến trình ngoại giao và pháp lý, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực và bằng các giải pháp, biện pháp hòa bình phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc và Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS).

a. UNCLOS là tên viết tắt tiếng Anh của Công ước Luật biển của Liên hợp quốc.

b. Năm 2021, Tòa trọng tài vụ kiện Biển Đông đã ra Phán quyết cuối cùng về vụ kiện của Phi – lip – pin.

c. Quan điểm của bà Lê Thị Thu Hằng - Người Phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam chưa thật sự phù hợp với nguyện vọng và mong muốn của nhân dân Việt Nam.

d. Đấu tranh ngoại giao và pháp lý là chủ trương và lập trường nhất quán của Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông hiện nay.

**a. Đ b. S c. S d. Đ**

Câu 292: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Người dân Lý Sơn đến nay vẫn lưu truyền câu ca:

“Hoàng Sa trời nước mênh mông

Người đi thì có mà không thấy về

Hoàng Sa mây nước bốn bề

Tháng hai/ba khao lề thế lính Hoàng Sa”

Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa góp phần phản ánh về lịch sử bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên vùng Biển Đông, đặc biệt là chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Nghi lễ này gắn liền với lịch sử ra đời và hoạt động của đội Hoàng Sa, góp phần khơi dậy lòng yêu nước, bảo tồn các giá trị văn hóa và cố kết cộng đồng. Tháng 4 – 2013, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã kí quyết định đưa lễ khao lề thế lính Hoàng Sa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

a. Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa là một lễ hội văn hóa truyền thống của người dân huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

b. Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa bắt nguồn từ hoạt động bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong lịch sử.

c. Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa được công nhận là di sản văn hóa vật thể quốc gia năm 2013.

d. Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa được tổ chức vào tháng 4 âm lịch hàng năm nhằm tri ân hải đội Hoàng Sa năm xưa và khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần giữ gìn biển đảo quê hương.

**a. Đ b. Đ c. S d. S**

Câu 293: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần công bố “Sách trắng” (năm 1979, 1981, 1988) về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam, Việt Nam có đầy đủ chủ quyền đối với hai quần đảo này, phù hợp với các quy định của luật pháp và thực tiễn quốc tế.

Ngày 14 – 3 – 1988, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố lên án Trung Quốc gây xung đột vũ trang tại Trường Sa và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa. Tháng 4 – 2007, Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập thị trấn Trường Sa, xã Song Tử Tây và xã Sinh Tồn thuộc huyện Trường Sa.

(*Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Chính trị quốc gia, 2013, tr.46).

a. Trong các thập niên 80 - 90 của thế kỉ XX, Việt Nam đã nhiều lần công bố “Sách trắng”, đấu tranh về pháp lý để bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

b. Quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam nhưng đã từng bị Trung Quốc gây xung đột vũ trang nhằm xâm chiếm.

c. Trong Tuyên bố của mình năm 1988, Bộ Ngoại giao Việt Nam khẳng định sẽ đáp trả về quân sự đối với hành động gây xung đột vũ trang của Trung Quốc tại quần đảo Trường Sa.

d. Mọt trong những biện pháp để bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa của Việt Nam là thành lập các đơn vị hành chính tại quần đảo này.

**a. S b. Đ c. S d. Đ**

Câu 294: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Từ những năm 2000, các tranh chấp ở Biển Đông ngày càng căng thẳng hơn với những hành động sử dụng sức mạnh quân sự của Trung Quốc gia tăng. Việt Nam tích cực thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) nhằm tìm kiếm một giải pháp cơ bản và lâu dài, đáp ứng lợi ích chính đáng của các bên, tiến tới xây dựng Biển Đông thành vùng biển hòa bình, hợp tác và phát triển. Sau đó, Việt Nam tích cực, chủ động phối hợp với các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc đàm phán, tiến tới xây dựng Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC). COC được hi vọng là một công cụ ràng buộc có tính pháp lý, thúc đẩy hợp tác và giảm căng thẳng giữa các bên tranh chấp, đóng góp hiệu quả hơn cho hòa bình, an ninh và ổn định ở Biển Đông. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán xây dựng Bộ quy tắc ứng xử này diễn ra rất khó khăn do bất đồng giữa các bên liên quan.

a. DOC là tên viết tắt tiếng Anh của Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông.

b. Một trong những nguyên nhân khiến tình hình an ninh chính trị ở Biển Đông có sự bất ổn là do tham vọng xâm chiếm và hoạt động quân sự của các nước phương Tây và Trung Quốc.

c. Việt Nam có một số hoạt động nhằm giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình nhưng chưa thể hiện sự tích cực, chủ động.

d. Một trong những khó khăn trong việc giải quyết tranh chấp ở Biển Đông hiện nay là sự bất đồng giữa các bên liên quan.

**a. S b. S c. S d. Đ**

Câu 295: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1956, lợi dụng việc chuyển giao giữa Pháp và Việt Nam Cộng hòa, Trung Quốc đã chiếm một phần quần đảo Hoàng Sa và Đài Loan chiếm đảo Ba Bình thuộc quần đảo Trường Sa. Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng phản đối những hành động này, khẳng định quần đảo Hoàng Sa cùng với quần đảo Trường Sa luôn luôn là một phần của Việt Nam. Tháng 4 – 1975, Hải quân Nhân dân Việt Nam đã thu hồi quần đảo Trường Sa, sau đó triển khai lực lượng quản lý và bảo vệ các đảo trên quần đảo Trường Sa có quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ.

a. Toàn bộ quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam đã bị Trung Quốc và Đài Loan đánh chiếm ngay từ năm 1956.

b. Trung Quốc bắt đầu có hoạt động xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa khi quần đảo Hoàng Sa đang thuộc quyền quản lý của chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

c. Trước những hành động xâm lấn quần đảo Hoảng Sa và Trường Sa của Trung Quốc và Đài Loan, chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã có những hành động quân sự đích đáng và giành thắng lợi cuối cùng.

d. Năm 1975, Hải quân Nhân dân Việt Nam đã tiếp quản quần đảo Trường Sa từ Trung Quốc và chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

**a. S b. Đ c. S d. S**